

LỜI MỞ ĐẦU

Mục tiêu cuối cùng đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh là đạt được lợi nhuận cao nhất có thể, lợi nhuận thu được là điều kiện để các doanh nghiệp duy trì hoạt động và tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất của mình. Đồng thời lợi nhuận còn giúp doanh nghiệp tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, giải quyết tốt hơn những vấn đề thuộc lợi ích kinh tế xã hội nói chung và chăm lo cho đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động nói riêng. Để góp phần giúp doanh nghiệp đạt được lợi nhuận cao nhất trước hết doanh nghiệp phải xây dựng được một cơ cấu tổ chức phù hợp, giúp cho nhà quản lý có thể quản lý được mọi hoạt động của doanh nghiệp. Trong cơ cấu quản lý này bộ phận kế toán có vai trò hết sức quan trọng. Hạch toán kế toán phản ánh và giám đốc mọi mặt hoạt động kinh tế tài chính ở tất cả các đơn vị trong doanh nghiệp, cung cấp cho nhà quản trị những thông tin tài chính cần thiết để đưa ra những quyết định phù hợp và kịp thời. Công tác kế toán tài sản doanh nghiệp trên hai mặt là tài sản và nguồn hình thành tài sản đó.

Quá trình sản xuất là quá trình kết hợp đồng thời cũng là quá trình tiêu hao các yếu tố cơ bản (sức lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động) trong đó nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất. Nguyên vật liệu là cơ sở vật chất chủ yếu hình thành nên sản phẩm mới, chất lượng của sản phẩm tốt hay xấu cũng như chi phí sản xuất nhiều hay ít phụ thuộc phần lớn vào nguyên vật liệu dùng để sản xuất. Do vậy việc đảm bảo sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm vật liệu nhằm hạ thấp chi phí sản xuất, hạ thấp giá thành sản phẩm có ý nghĩa rất quan trọng, nó đã trở thành một yêu cầu bức thiết đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào. Kế toán nguyên vật liệu có đầy đủ, kịp thời, chính xác hay không ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác quản lý nguyên vật liệu của doanh nghiệp.

Nhận thức về tầm quan trọng của nguyên vật liệu đối với quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị đồng thời qua nghiên cứu thực tế công tác kế toán tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Cơ khí Duyên Hải, được sự giúp đỡ tận tình của Ban giám đốc Công ty, các cô chú phòng kế toán Công ty, em nhận thấy kế toán nguyên vật liệu ở Công ty giữ một vai trò rất quan trọng. Chính vì vậy em đã chọn và đi sâu nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Cơ khí Duyên Hải”**.

Đề tài được trình bày với ba phần chính:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Cơ khí Duyên Hải.

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Cơ khí Duyên Hải.

Do thời gian ngắn và kiến thức còn hạn chế nên luận văn của em còn nhiều thiếu sót. Em rất mong được thầy cô giáo góp ý bổ sung để luận văn của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo Th.s Phạm Thị Nga cùng toàn thể các cô chú phòng tài chính kế toán của Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Cơ khí Duyên Hải đã tận tình hướng dẫn để em hoàn thành luận văn này.

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1 Tổng quan về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.

1.1.1 Khái niệm nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động thể hiện dưới dạng vật hoá, là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất sản phẩm, là cơ sở vật chất cấu thành nên sản phẩm, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh, là tài sản lưu động dự trữ cho quá trình sản xuất kinh doanh.

1.1.2 Đặc điểm của nguyên vật liệu

Một trong những điều kiện thiết yếu để tiến hành sản xuất là đối tượng lao động nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động đã được thể hiện dưới dạng vật hoá như: sắt, thép trong doanh nghiệp cơ khí, chế tạo sợi trong doanh nghiệp dệt, da trong doanh nghiệp đóng giày, vải trong doanh nghiệp may mặc.

Nguyên vật liệu thường phong phú đa dạng về chủng loại, công dụng, hình thái vật chất... Giá trị của nguyên vật liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất tạo nên giá trị của sản phẩm hàng hoá dịch vụ. Tỷ trọng của chúng trong giá trị sản phẩm, dịch vụ tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp. Thông thường đối với các doanh nghiệp sản xuất thì giá trị nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn và chủ yếu trong giá trị sản phẩm.

Nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh không giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu, nó bị biến dạng hoặc tiêu hao hoàn toàn. Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh. Giá trị của nguyên vật liệu được chuyển dịch toàn bộ một lần vào giá trị mới sản phẩm tạo ra, hoặc vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Những đặc điểm trên là xuất phát điểm quan trọng cho công tác tổ chức hạch toán nguyên vật liệu từ khâu tính giá, hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết.

1.1.3 Vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất

Trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu là tài sản dự trữ sản xuất thuộc tài sản lưu động. Nó là cơ sở vật chất hình thành nên sản phẩm mới, là một trong ba yếu tố không thể thiếu được khi tiến hành sản xuất sản phẩm. Vì vậy việc cung cấp nguyên vật liệu có kịp thời hay không đều có ảnh hưởng trực tiếp đến

tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất. Mặt khác chất lượng sản phẩm cao hay thấp phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng nguyên vật liệu sử dụng.

Qua đó, ta thấy nguyên vật liệu có vị trí quan trọng như thế nào đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, giá trị nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp chúng là đối tượng lao động trực tiếp của quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm. Thiếu nguyên vật liệu sản xuất sẽ bị đình trệ, giá trị sản phẩm của doanh nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào tình hình biến động chi phí nguyên vật liệu vì chúng thường chiếm 60%-80% giá thành sản phẩm. Từ đó cho thấy chi phí nguyên vật liệu có ảnh hưởng không nhỏ tới lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy đòi hỏi các doanh nghiệp phải chú trọng tới công tác kế toán nguyên vật liệu, để sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả nhất sao cho với cùng một khối lượng nguyên vật liệu nhất định có thể làm ra được nhiều sản phẩm hơn, chất lượng tốt hơn....

1.1.4 Sự cần thiết phải quản lý nguyên vật liệu

Với đặc điểm chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh và trong giá thành sản phẩm ở các doanh nghiệp sản xuất thì tăng cường công tác quản lý, công tác kế toán nguyên vật liệu nhằm đảm bảo sử dụng tiết kiệm hiệu quả nguyên vật liệu từ đó góp phần hạ giá thành sản phẩm là một vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, luôn được các nhà quản lý doanh nghiệp quan tâm.

Tính khách quan phải quản lý nguyên vật liệu:

Quản lý nguyên vật liệu là yêu cầu khách quan của mọi nền kinh tế. Trải qua các giai đoạn phát triển của lịch sử, các mức độ quản lý và phương pháp quản lý cũng khác nhau và ngày một được hoàn thiện.

Vì vậy, quản lý nguyên vật liệu là đòi hỏi tất yếu mà doanh nghiệp nào cũng phải quan tâm và có biện pháp cụ thể thiết thực. Quản lý nguyên vật liệu ở đây không những về mặt hiện vật mà về cả mặt giá trị trong các khâu từ khâu thu mua, dự trữ, bảo quản đến khâu sử dụng.

▪ **Khâu thu mua:** Quản lý chặt chẽ quá trình thu mua nguyên vật liệu về các mặt số lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại, giá mua và chi phí thu mua cũng như các kế hoạch mua theo đúng tiến độ thời gian, phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, doanh nghiệp phải thường xuyên phân tích tình hình thu mua nguyên vật liệu, tìm hiểu nguồn cung cấp để lựa chọn nguồn mua, đảm bảo về số lượng, chủng loại, quy cách với giá cả, địa điểm sao cho phù

hợp và thuận tiện nhất. Có như vậy sẽ góp phần hạ thấp được hao phí nguyên vật liệu trong giá thành.

▪ **Khâu bảo quản:** Nguyên vật liệu mua về phải có hệ thống kho tàng bền bãi, cách thức bảo quản khoa học, hợp lý nhằm giữ nguyên chất lượng, giảm thiểu thấp nhất những chi phí có thể xảy ra. Đối với mỗi loại nguyên vật liệu phải thực hiện đúng các chế độ bảo quản, xác định mức dự trữ tối thiểu và tối đa cho từng loại nhằm giảm bớt thấp nhất những hao hụt mất mát chất lượng nguyên vật liệu.

▪ **Khâu dự trữ:** Đây cũng là một khâu hết sức quan trọng bởi xác định được lượng dự trữ vừa đủ sẽ đảm bảo cho quá trình sản xuất được diễn ra liên tục thường xuyên, đúng hợp đồng, đồng thời tránh được lãng phí gây ứ đọng vốn, hao hụt mất mát do dự trữ quá nhiều.

▪ **Khâu sử dụng:** Sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở các định mức và dự toán chi phí sản xuất có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hạ thấp chi phí và giá thành. Do vậy trong khâu sản xuất cần lập định mức tiêu hao nguyên vật liệu và có quy chế trách nhiệm cụ thể đối với việc sử dụng nguyên vật liệu, xác định đúng giá trị nguyên vật liệu đã sử dụng để tính vào chi phí.

Ngoài việc quản lý nguyên vật liệu về mặt hiện vật, thường xuyên kiểm kê, tránh gây mất mát thì quản lý về mặt giá trị cũng rất quan trọng. Tránh để tình trạng ứ đọng nguyên vật liệu, làm cho chất lượng bị giảm (như ẩm mốc, hết hạn sử dụng...). Các nguyên nhân chủ yếu làm giảm chất lượng giá trị sử dụng của nguyên vật liệu, chủ yếu do các nguyên nhân khách quan như: mưa gió, lũ lụt.... và do các nguyên nhân chủ quan: hết hạn sử dụng.... Vì vậy, để tránh tình trạng này các doanh nghiệp cần hết sức chú ý đến khâu bảo quản, phải thường xuyên cải tạo nâng cấp kho tàng bền bãi, phân công trách nhiệm cụ thể đến từng cá nhân, nâng cao ý thức trách nhiệm cho người lao động.

Tóm lại, tăng cường công tác quản lý nguyên vật liệu là rất cần thiết và tất yếu trong các doanh nghiệp sản xuất. Có quản lý tốt nguyên vật liệu mới đảm bảo cho quá trình sản xuất được diễn ra liên tục, không bị ngừng trệ. Và có làm tốt công tác quản lý nguyên vật liệu sẽ giảm bớt chi phí trong giá thành sản phẩm, mang lại lợi nhuận cao nhất. Bên cạnh đó, những thông tin về mức chi phí thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng và sử dụng đó cũng là cơ sở để cấp lãnh đạo đưa ra quyết định đúng đắn.

1.1.5 Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu

Trong công tác quản lý tổ chức sản xuất kinh doanh, kế toán là công cụ quan trọng để quản lý các hoạt động kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ sử dụng tài sản vật tư, tiền vốn trong doanh nghiệp. Vì vậy, trong công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu, kế toán có vai trò và nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Thông qua hạch toán kế toán nguyên vật liệu chính xác kịp thời sẽ cung cấp cho các nhà quản lý nắm bắt được tình hình thu mua nhập, xuất, dự trữ nguyên vật liệu, chất lượng chủng loại, số lượng có đáp ứng được nhu cầu sản xuất hay không, từ đó có biện pháp tổ chức quản lý và sử dụng hợp lý.

Việc quản lý, sử dụng hiệu quả tiết kiệm nguyên vật liệu sẽ có ý nghĩa thiết thực trong công tác kiểm soát và quản lý có hiệu quả được chi phí, giá thành cũng như công tác kế toán, xác định kết quả kinh doanh.

Xuất phát từ vai trò trên, để đáp ứng được yêu cầu kế toán quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện tốt việc phân loại đánh giá nguyên vật liệu phù hợp với các nguyên tắc chuẩn mực kế toán đã quy định và yêu cầu trong quản trị doanh nghiệp.
- Tổ chức ghi chép phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, tình hình nhập xuất tồn kho. Xác định đúng giá trị vốn của nguyên vật liệu nhập xuất kho nhằm cung cấp thông tin chính xác kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý sản xuất.
- Tập hợp và phản ánh đầy đủ, chính xác số lượng và giá trị nguyên vật liệu xuất kho. Kiểm tra tình hình và chấp hành các quy định về định mức tiêu hao nguyên vật liệu.
- Phân bổ hợp lý giá trị sử dụng vào các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch thu mua nguyên vật liệu, kế hoạch sử dụng cho sản xuất. Tổ chức đánh giá nguyên vật liệu tồn kho theo đúng chế độ quy định. Phát hiện kịp thời nguyên vật liệu thiếu thừa và ứ đọng, kém phẩm chất để doanh nghiệp có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế mức tối đa thiệt hại có thể xảy ra.
- Tổ chức chứng từ, tài khoản kế toán, sổ kế toán phù hợp với phương pháp hàng tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp để việc ghi chép phân loại tổng hợp số liệu đầy đủ, kịp thời với mục đích cuối cùng là cung cấp thông tin lập báo cáo tài chính và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.2 Phân loại và tính giá nguyên vật liệu

1.2.1 Phân loại nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu sử dụng trong các doanh nghiệp có nhiều loại, nhiều thứ khác nhau về nội dung kinh tế, công dụng, tính năng, tính chất lý hoá học. Trong điều kiện đó, đòi hỏi các doanh nghiệp phải phân loại nguyên vật liệu thì mới tổ chức tốt việc quản lý và hạch toán nguyên vật liệu.

▪ **Căn cứ vào nội dung kinh tế và yêu cầu quản trị doanh nghiệp, nguyên vật liệu được chia thành:**

- **Nguyên liệu và vật liệu chính:** Là những loại nguyên vật liệu và vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy, khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể, ở các doanh nghiệp khác nhau thì nguyên liệu, vật liệu chính cũng khác nhau.

Nguyên liệu, vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra sản phẩm.

Ví dụ: sắt thép trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí chế tạo, mía trong các doanh nghiệp sản xuất đường, vải trong các doanh nghiệp may mặc....

Cũng có thể sản phẩm của doanh nghiệp này lại là nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp khác.

- **Vật liệu phụ:** Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành thực thể chính của sản phẩm, nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bên ngoài, tăng thêm chất lượng sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường, hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản đóng gói, phục vụ cho quá trình lao động.

Ví dụ: Thuốc nhuộm, thuốc tẩy, dầu nhờn, cúc áo, chỉ may, giẻ lau...

- **Nhiên liệu:** Là những thứ dùng để tạo nhiệt năng như than đá, than bùn, củi, xăng dầu... Nó có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu trong các doanh nghiệp thực chất là một loại vật liệu phụ, tuy nhiên nó được tách ra thành một loại riêng vì việc sản xuất và tiêu dùng nhiên liệu chiếm một tỷ trọng lớn và đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, nhiên liệu cũng có yêu cầu và kỹ thuật quản lý hoàn toàn khác với các loại vật liệu phụ thông thường.

- **Phụ tùng thay thế:** Là những loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...

- **Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản:** Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

- **Vật liệu khác:** Là những loại vật liệu chưa được xếp vào các loại trên, thường là những vật liệu được loại ra từ quá trình sản xuất, hoặc phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản cố định.

Ngoài ra, tùy thuộc vào yêu cầu quản lý và hạch toán chi tiết trong từng doanh nghiệp mà trong từng loại nguyên vật liệu nói trên lại được chia thành từng nhóm, từng thứ...

Ý nghĩa: Cách phân loại này là cơ sở để xác định mức tiêu hao, định mức dự trữ cho từng loại, từng nhóm, từng thứ, là cơ sở để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

▪ **Căn cứ vào nguồn hình thành, nguyên vật liệu được chia thành:**

- Nguyên vật liệu nhập từ bên ngoài: Do doanh nghiệp mua, nhận góp vốn liên doanh, nhận biếu tặng, được cấp...

- Nguyên vật liệu tự chế: Do doanh nghiệp tự sản xuất phục vụ cho nhu cầu sản xuất của mình.

Ý nghĩa: Cách phân loại này làm căn cứ để lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất nguyên vật liệu, cơ sở xác định trị giá vốn của nguyên vật liệu nhập kho.

▪ **Căn cứ vào mục đích, công dụng, nguyên vật liệu chia thành:**

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh bao gồm:

+ Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho chế tạo sản xuất sản phẩm

+ Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho các bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý phân xưởng

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:

+ Nhượng bán

+ Đem góp vốn liên doanh

+ Đem quyên tặng

Ngoài việc phân loại như trên, trong điều kiện ứng dụng tin học vào công tác kế toán như hiện nay thì để phục vụ cho công tác quản lý vật tư một cách tỉ mỉ chặt chẽ thì còn phải lập danh điểm vật tư.

Lập danh điểm vật tư là quy định cho mỗi loại vật tư một ký hiệu mã hoá riêng. Tùy vào từng phần mềm kế toán áp dụng cũng như tình hình của từng doanh nghiệp mà việc lập các danh điểm vật tư cho phù hợp với đặc điểm yêu cầu quản lý, đảm bảo cho quá trình hạch toán kế toán chi tiết và tổng hợp nguyên vật liệu đạt hiệu quả cao nhất.

1.2.2 Tính giá nguyên vật liệu

Đánh giá nguyên vật liệu là việc xác định giá trị nguyên vật liệu theo những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định.

Khi đánh giá nguyên vật liệu phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

* Nguyên tắc giá gốc (Theo chuẩn mực 02-Hàng tồn kho): Nguyên vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc. Giá gốc hay được gọi là trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu, là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được những nguyên vật liệu ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

* Nguyên tắc thận trọng: Biểu hiện ở chỗ doanh nghiệp có đánh giá chính xác mức độ giảm giá nguyên vật liệu khi thấy có sự chênh lệch giữa giá hạch toán trên sổ kế toán với giá thị trường, dựa trên cơ sở đó lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

* Nguyên tắc nhất quán: Các phương pháp kế toán áp dụng trong đánh giá vật tư, hàng hoá phải đảm bảo tính nhất quán. Tức là kế toán đã chọn phương pháp kế toán nào thì phải áp dụng phương pháp đó nhất quán trong suốt niên độ kế toán. Doanh nghiệp có thể thay đổi phương pháp đã chọn, nhưng phải đảm bảo phương pháp thay thế trình bày thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý hơn, đồng thời phải giải thích được sự ảnh hưởng của sự thay đổi đó.

1.2.2.1 Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho

Tùy vào nguồn nhập khác nhau của các loại nguyên vật liệu, trị giá vốn thực tế sẽ được xác định như sau:

▪ **Đối với vật liệu do doanh nghiệp mua ngoài (mua trong nước hoặc nước ngoài):**

$$\begin{array}{rcccl} \text{Trị giá vốn} & & \text{Giá} & & \text{Chi phí} & & \text{Các loại thuế} & & \text{Các} \\ \text{thực tế của} & = & \text{mua} & + & \text{mua} & + & \text{không được} & - & \text{khoản} \\ \text{NVL nhập kho} & & \text{thực tế} & & \text{thực tế} & & \text{hoàn lại} & & \text{giảm trừ} \\ & & & & & & \text{(TTĐB, NK...)} & & \end{array}$$

Trong đó:

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ: Giá mua thực tế của vật liệu là giá chưa có thuế GTGT.

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT thì giá mua thực tế là giá đã có thuế GTGT.

▪ **Đối với vật liệu do doanh nghiệp tự gia công, chế biến:**

$$\text{Giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho} = \text{Giá thực tế của vật liệu xuất kho để gia công chế biến} + \text{Chi phí gia công chế biến}$$

▪ **Đối với vật liệu do doanh nghiệp thuê ngoài gia công, chế biến:**

$$\text{Giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho} = \text{Giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho thuê gia công} + \text{Chi phí thuê gia công} + \text{Chi phí vận chuyển bốc dỡ khi giao nhận (nếu có)}$$

▪ **Đối với vật liệu do được cấp:**

$$\text{Giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho} = \text{Giá vốn ghi trong biên bản giao nhận} + \text{Chi phí phát sinh trong giao nhận}$$

▪ **Đối với vật liệu được biếu tặng, tài trợ:**

$$\text{Giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho} = \text{Giá trị hợp lý} + \text{Các chi phí khác phát sinh}$$

1.2.2.2 Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho

Do thời điểm nhập vật liệu và xuất vật liệu là khác nhau về số lượng và giá cả, vì vậy việc tính trị giá vốn của nguyên vật liệu xuất kho được thực hiện theo một trong bốn phương pháp quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho”:

*** Phương pháp đích danh:**

Phương pháp này được áp dụng đối với các vật liệu có giá trị cao và các loại vật tư đặc trưng. Phương pháp này được sử dụng trong các doanh nghiệp có ít loại hàng hoặc mặt hàng ổn định có thể nhận diện được. Giá thực tế của vật liệu xuất kho được căn cứ vào đơn giá thực tế vật liệu nhập kho theo từng lô hàng, từng lần nhập và số lượng xuất kho theo từng lần.

Ưu nhược điểm: Tạo thuận lợi cho việc tính toán giá thành vật liệu được chính xác, phản ánh được mối quan hệ cân đối giữa hiện vật và giá trị. Tuy nhiên phải theo dõi chi tiết giá vật liệu nhập kho theo từng lần nhập và giá vật liệu xuất kho sẽ không sát với giá thực tế của thị trường tại thời điểm đó.

Phạm vi áp dụng: Áp dụng trong các doanh nghiệp có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng, các loại hàng có tính tách biệt cao.

*** Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ:**

- Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá tính bình quân. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả vật tư hàng hoá khi nhập, xuất kho. Công thức tính:

Giá thực tế của vật liệu xuất kho = Số lượng thực tế xuất kho × Đơn giá thực tế bình quân
 Đơn giá bình quân được tính theo hai cách:

Cách 1: Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế vật liệu nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật liệu nhập trong kỳ}}$$

Ưu nhược điểm: Tính theo cách này sẽ cho kết quả chính xác nhưng đòi hỏi doanh nghiệp phải hạch toán được chặt chẽ về mặt số lượng của từng loại vật liệu, công việc tính toán phức tạp đòi hỏi trình độ cao. Với cách tính này khối lượng công việc tính toán sẽ giảm bớt nhưng thông tin sẽ không được cung cấp kịp thời vì chỉ tính được trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho vào thời điểm cuối kỳ.

Phạm vi áp dụng: Áp dụng trong những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư

Cách 2: Giá đơn vị bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn)

Theo cách này, sau mỗi lần nhập kế toán phải xác định đơn giá bình quân của từng danh điểm nguyên vật liệu.

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế nguyên vật liệu tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Ưu nhược điểm: Cách này cho phép kế toán tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời nhưng khối lượng công việc tính toán nhiều do phải tiến hành tính giá cho từng danh điểm hàng hoá.

Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại nguyên vật liệu, số lần nhập, xuất không nhiều. Phương pháp này thích hợp với doanh nghiệp áp dụng kế toán máy.

*** Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):**

- Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và đơn giá của hàng nhập trước sẽ được dùng làm đơn giá để tính cho hàng xuất trước. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

- Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả thị trường ổn định. Nếu giá cả có xu hướng tăng lên thì giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ cao và giá trị vật liệu xuất dùng sẽ nhỏ đi nên giá thành sản phẩm giảm, lợi nhuận tăng trong kỳ. Trường hợp ngược lại, giá cả có xu hướng giảm thì chi phí vật liệu trong kỳ sẽ lớn. Do đó lợi nhuận trong kỳ giảm và giá trị vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ lớn. Với phương pháp này, việc tính toán đơn giản, dễ làm và tương đối hợp lý. Song khối lượng tính toán nhiều, phụ thuộc vào xu thế giá cả trên thị trường, phù hợp với doanh nghiệp ít danh điểm nguyên vật liệu.

*** Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):**

- Theo phương pháp này thì cũng phải biết đơn giá thực tế của từng lần nhập và giả thiết hàng nào nhập sau sẽ được xuất trước, đơn giá của hàng nhập sau sẽ được dùng làm đơn giá để tính cho hàng xuất trước. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ sẽ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên.

- Với phương pháp này, công việc tính toán được tiến hành thường xuyên và đơn giản hơn so với phương pháp FIFO. Chi phí sản xuất luôn gắn chặt với giá cả thị trường nên lợi nhuận thu được mang tính an toàn hơn khi giá cả có xu hướng tăng lên. Song chất lượng tính giá lại phụ thuộc vào sự ổn định giá cả nguyên vật liệu. Nếu giá cả biến động mạnh sẽ mất chính xác và gây bất hợp lý, phương pháp này áp dụng thích hợp trong trường hợp lạm phát.

1.2.2.3 Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán

Hiện nay thực tế nhiều doanh nghiệp không áp dụng xác định trị giá vật liệu xuất kho theo cách trên mà áp dụng giá hạch toán để tính toán nhằm giảm bớt khối lượng công việc hàng ngày.

Giá hạch toán nguyên vật liệu là giá do doanh nghiệp tự quy định và được sử dụng thống nhất ở doanh nghiệp trong thời gian dài. Hàng ngày kế toán sẽ sử dụng giá hạch toán để ghi sổ chi tiết giá trị nguyên vật liệu nhập xuất tồn, cuối kỳ kế toán phải tính hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của nguyên vật liệu để tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng trong kỳ để ghi sổ tổng hợp theo công thức:

$$\text{Hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của NVL} = \frac{\text{Giá thực tế của NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá thực tế của NVL nhập kho trong kỳ}}{\text{Giá hạch toán của NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá hạch toán của NVL nhập kho trong kỳ}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của NVL} \\ \text{xuất dùng trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán của} \\ \text{NVL xuất dùng} \\ \text{trong kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số chênh lệch giữa giá} \\ \text{thực tế và giá hạch toán} \\ \text{của NVL} \end{array}$$

➤ Trên đây là các cách tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo giá vốn thực tế và theo giá hạch toán. Tùy theo tình hình thực tế của từng doanh nghiệp khác nhau về tính chất ngành nghề sản xuất, yêu cầu quản lý và sử dụng vật liệu, trình độ của cán bộ công nhân viên mà các cách đánh giá trên sẽ được áp dụng cho phù hợp.

1.3 Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu

1.3.1 Yêu cầu hạch toán chi tiết nguyên vật liệu

Trong doanh nghiệp, chủng loại nguyên vật liệu là rất nhiều và thường xuyên biến động cả về số lượng và giá trị. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu chính là việc kết hợp giữa thủ kho và kế toán nguyên vật liệu trên cùng cơ sở là các chứng từ nhập xuất kho mục đích nhằm theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động của từng loại, thứ vật liệu, từng kho nguyên vật liệu và nguồn cung cấp. Đồng thời để giúp cho việc hạch toán có hiệu quả, chính xác thì các doanh nghiệp phải tổ chức mở các sổ chi tiết, các thẻ chi tiết, các tài khoản cấp 2 và 3 và vận dụng phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu sao cho phù hợp để nhằm cho công tác quản lý sử dụng nguyên vật liệu đạt hiệu quả cao nhất.

Nhằm đảm bảo cung cấp thông tin nhanh nhạy về tình hình nhập xuất nguyên vật liệu trên cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị theo từng thứ nguyên vật liệu, nơi bảo quản, nguồn cung cấp thì kế toán chi tiết đòi hỏi phải đảm bảo các yêu cầu:

- Hạch toán chi tiết ở từng kho và từng bộ phận sử dụng của doanh nghiệp.
- Hằng ngày phải theo dõi nguyên vật liệu trên cả 2 chỉ tiêu số lượng và thành tiền.
- Phải đảm bảo khớp nội dung số lượng tương ứng giữa thẻ kế toán chi tiết ở dưới kho với các số liệu chi tiết trên phòng kế toán, với số liệu các bảng tổng hợp, các báo cáo tổng hợp.

Trách nhiệm sử dụng nguyên vật liệu liên quan đến nhiều bộ phận, song trách nhiệm trực tiếp là thủ kho và kế toán nguyên vật liệu.

1.3.2 Các chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán nguyên vật liệu bao gồm:

- 1- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- 2- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- 3- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 03-VT)
- 4- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT)
- 5- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 05-VT)
- 6- Bảng kê mua hàng (Mẫu 06-VT)
- 7- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (Mẫu 07-VT)
- 8- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTGT-3LL)
- 9- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTGT-3LL)
- 10- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03P XK-3LL)

Tùy vào đặc điểm sản xuất của từng doanh nghiệp mà các doanh nghiệp lựa chọn hình thức chứng từ sao cho thuận tiện khoa học. Mọi chứng từ phải được lập đầy đủ, kịp thời theo quyết định ban hành về mẫu biểu nội dung, phải tổ chức luân chuyển theo trình tự, người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Sau đây là một vài mẫu chứng từ, sổ sách kế toán nguyên vật liệu

- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu S10-DN)
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu S11-DN)
- Thẻ kho (Sổ kho) (Mẫu S12-DN)

1.3.3 Các phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu

Tùy theo điều kiện kinh doanh cụ thể, tùy theo yêu cầu và trình độ quản lý mà việc ghi chép phản ánh của thủ kho và kế toán cũng như việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa giá hạch toán nghiệp vụ ở kho và phòng kế toán được tiến hành theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp ghi thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ dư

❖ Phương pháp ghi thẻ song song:

- Ở kho: Thủ kho sử dụng “Thẻ kho” để ghi chép hàng ngày tình hình nhập xuất tồn kho của từng thứ vật liệu theo chỉ tiêu số lượng. Khi nhận được các chứng

từ nhập, xuất kho, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép các số thực nhập, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho, cuối ngày tính ra số tồn kho trên thẻ kho. Định kỳ thủ kho gửi các chứng từ nhập xuất cho kế toán đã được phân loại theo từng thứ vật liệu.

- *Ở phòng kế toán:* Kế toán sử dụng các sổ chi tiết vật liệu để ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho của từng thứ vật liệu theo cả chỉ tiêu số lượng và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được chứng từ nhập xuất vật liệu do thủ kho gửi lên, kế toán phải tiến hành kiểm tra lại chứng từ, xác định giá trị hoàn chỉnh chứng từ và phản ánh vào các sổ chi tiết vật liệu, mỗi chứng từ được ghi một dòng

➤ Cuối tháng, căn cứ vào các sổ chi tiết vật liệu để lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu và tiến hành so sánh số liệu giữa:

- + Sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho của thủ kho
- + Đối chiếu số liệu dòng tổng cộng trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn với sổ kế toán tổng hợp
- + Đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.

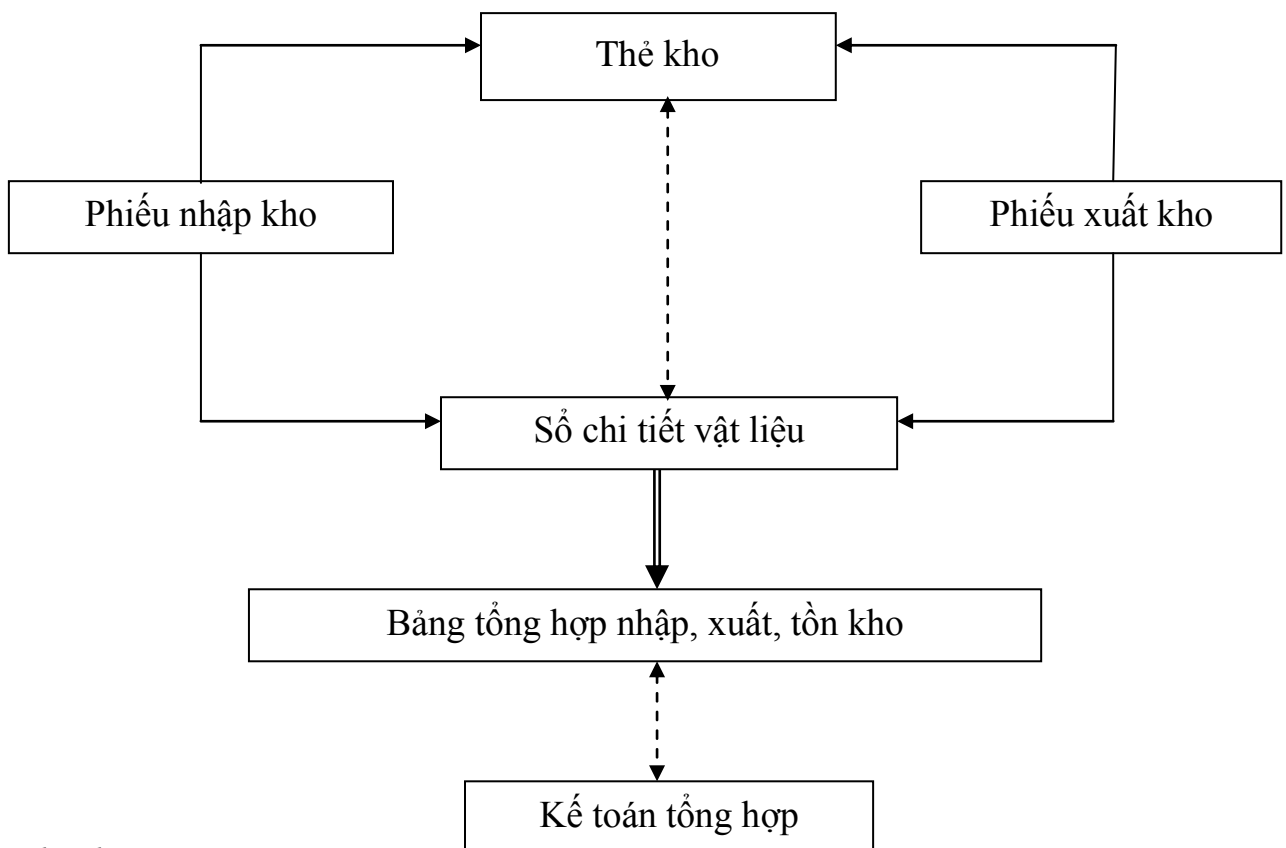
- *Ưu điểm:* Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, dễ đối chiếu

- *Nhược điểm:* Việc ghi chép giữa thủ kho và kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Ngoài ra việc kiểm tra đối chiếu các yếu tố tiến hành vào cuối tháng, do vậy hạn chế chức năng kịp thời của kế toán.

- *Điều kiện áp dụng:* Thích hợp với doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, việc nhập xuất diễn ra không thường xuyên. Tuy nhiên nếu trong điều kiện doanh nghiệp đã áp dụng kế toán máy thì phương pháp này vẫn áp dụng vào những doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu.

➤ Phương pháp này có khuynh hướng ngày càng được áp dụng rộng rãi bởi tính thuận tiện của nó cũng như việc áp dụng kế toán máy ngày càng được phổ biến trong các doanh nghiệp.

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu

❖ Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển:

- Ở kho: Thủ kho cũng tiến hành ghi chép, phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn kho vật liệu như phương pháp thẻ song song.

- Ở phòng kế toán: Để theo dõi tình hình nhập xuất từng loại vật liệu cả về mặt lượng và mặt giá trị, kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển. Sổ đối chiếu luân chuyển được mở cho cả năm và được ghi chép 1 lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp những chứng từ nhập, xuất trong tháng, mỗi danh điểm vật liệu được ghi vào một dòng trên sổ.

Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho, kế toán sẽ tiến hành kiểm tra hoàn chỉnh chứng từ, tiến hành phân loại theo từng loại vật liệu riêng hoặc có thể lập “Bảng kê nhập” và “Bảng kê xuất”.

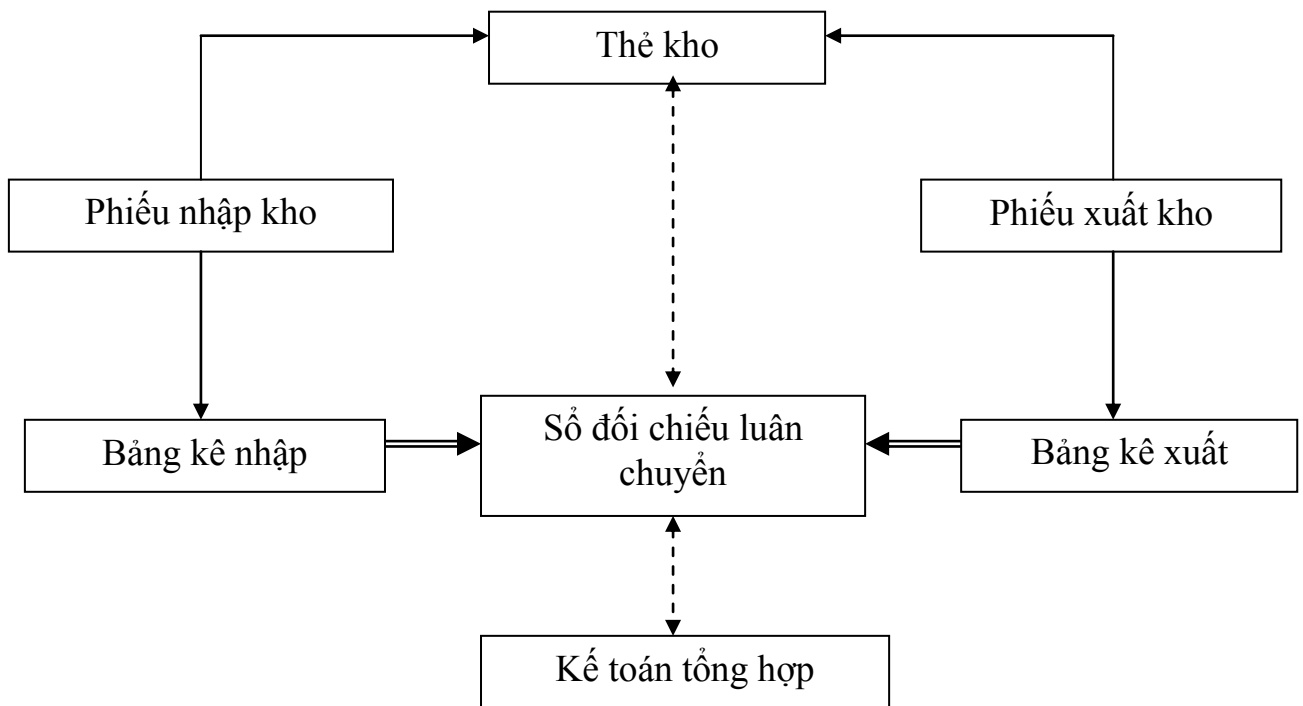
➤ Cuối tháng, tập hợp số liệu từ các chứng từ hoặc bảng kê ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển và tính ra số tồn cuối tháng. Tiến hành đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

- *Ưu điểm:* Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi 1 lần vào cuối tháng.

- *Nhược điểm:* Phương pháp này vẫn trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng. Việc kiểm tra số lượng chỉ được tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế tác dụng kiểm tra của kế toán.

- *Điều kiện áp dụng:* Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép tình hình nhập xuất hàng ngày. Phương pháp này ít được sử dụng trong thực tế.

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==→ Ghi cuối tháng
- <-.-.-> Quan hệ đối chiếu

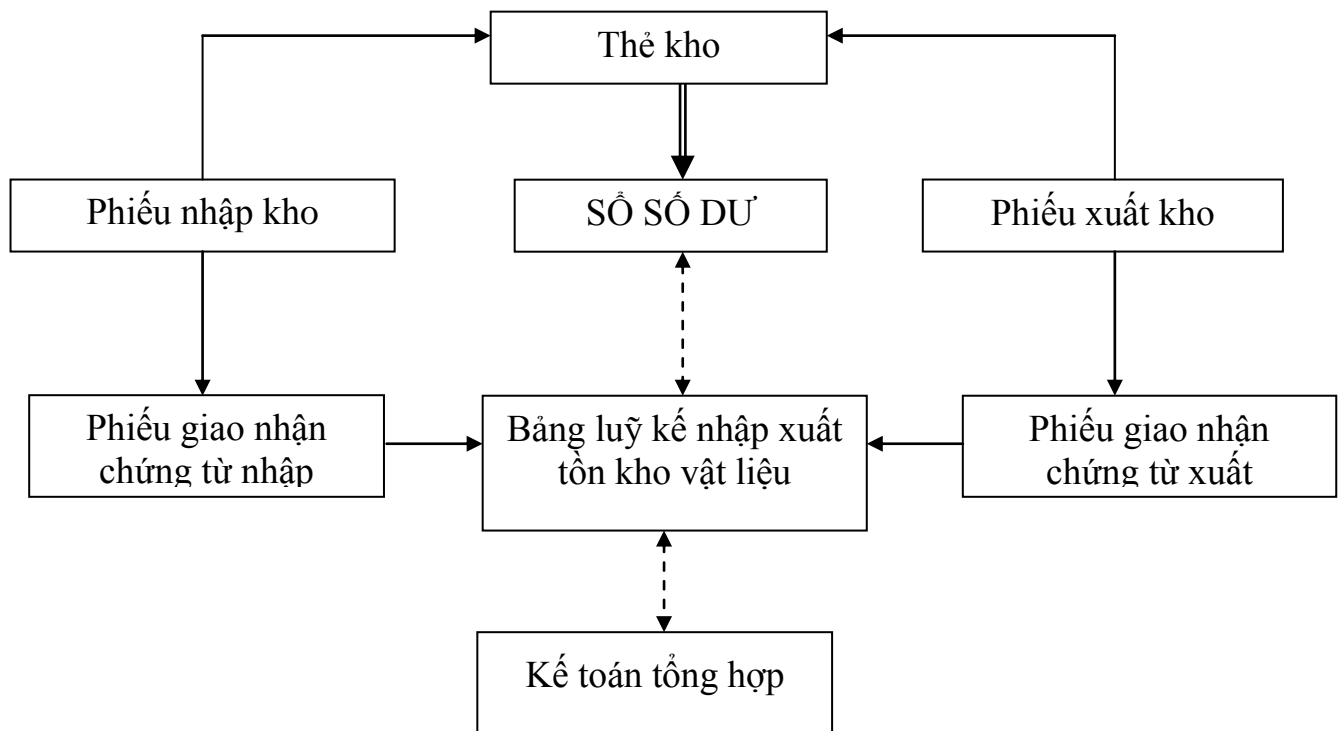
❖ Phương pháp ghi sổ số dư:

- *Ở kho:* Thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho theo chỉ tiêu số lượng của từng loại vật liệu. Định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập kho, xuất kho phát sinh theo từng vật liệu,

dụng cụ, sản phẩm quy định. Sau đó, lập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán viên kèm theo các chứng từ nhập, xuất kho vật liệu, dụng cụ, sản phẩm. Ngoài ra, thủ kho còn phải ghi số lượng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm tồn kho cuối tháng theo từng danh điểm vào sổ số dư.

- Ở phòng kế toán: Kế toán dựa vào số lượng nhập, xuất của từng danh điểm nguyên vật liệu được tổng hợp từ các chứng từ nhập xuất mà kế toán nhận được khi kiểm tra các kho theo định kỳ 3,5 hoặc 10 ngày một lần kèm theo “Phiếu giao nhận chứng từ” và giá hạch toán để tính trị giá thành tiền nguyên vật liệu nhập, xuất theo từng danh điểm, từ đó ghi vào “Bảng lũy kế nhập, xuất, tồn”(bảng này được mở theo từng kho). Cuối kỳ tiến hành tính tiền trên “Sổ số dư do” thủ kho chuyển đến và đối chiếu tồn kho trên “Bảng lũy kế nhập, xuất, tồn”.

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- <-.-.-.-> Quan hệ đối chiếu

- Ưu điểm:

• Phương pháp này sẽ giúp giảm bớt được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi theo chỉ tiêu số tiền và theo nhóm vật liệu.

• Đã kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán nghiệp vụ và hạch toán kế toán. Kế toán đã thực hiện được việc kiểm tra thường xuyên việc ghi chép và bảo quản trong kho của thủ kho.

• Khối lượng công việc được giàn đều trong tháng.

- Nhược điểm:

• Kế toán chưa theo dõi chi tiết đến từng thứ vật liệu nên để thông tin về tình hình nhập xuất tồn của từng loại vật liệu thì phải căn cứ vào thẻ kho.

• Việc kiểm tra phát hiện sai sót giữa phòng kế toán và kho là phức tạp.

- Điều kiện áp dụng:

• Đối với doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật liệu, việc nhập xuất diễn ra thường xuyên.

• Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng được hệ thống danh điểm vật liệu hợp lý. Các cán bộ kế toán có trình độ chuyên môn vững vàng.

1.4 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc ghi chép sự biến động về mặt giá trị của nguyên vật liệu trên các sổ sách kế toán tổng hợp. Trong hệ thống kế toán hiện hành nguyên vật liệu thuộc nhóm hàng tồn kho nên kế toán áp dụng tổng hợp nguyên vật liệu có thể tiến hành theo một trong hai phương pháp sau:

- Phương pháp kế toán kê khai thường xuyên

- Phương pháp kiểm kê định kỳ

Việc sử dụng phương pháp nào là tùy thuộc vào doanh nghiệp và yêu cầu của công việc quản lý, trình độ của cán bộ kế toán cũng như các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

1.4.1 Tài khoản sử dụng

Để tiến hành kế toán tổng hợp nguyên vật liệu kế toán sử dụng:

• *Tài khoản 152 - Nguyên liệu, vật liệu:* Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên vật liệu trong kho của doanh nghiệp. Kết cấu của tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến hoặc đưa đi góp vốn.
- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua.
- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Số dư bên Nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ

Ngoài ra, tài khoản này có thể mở theo dõi chi tiết các tài khoản cấp 2 theo từng loại nguyên vật liệu phù hợp với cách phân loại theo nội dung kinh tế và yêu cầu quản trị của doanh nghiệp gồm:

TK 1521: Nguyên liệu, vật liệu chính

TK 1522: Vật liệu phụ

TK 1523: Nhiên liệu

TK 1524: Phụ tùng thay thế

TK 1525: Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản.

Trong từng tài khoản cấp 2 có thể mở chi tiết tài khoản cấp 3, cấp 4 tới từng nhóm, từng thứ nguyên liệu, vật liệu tùy theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

• *TK 151 -Hàng mua đang đi đường:* Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại hàng hoá vật tư (nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá) mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng còn đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 151:

Bên Nợ:

- Trị giá hàng vật tư đã mua đang đi đường
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng vật tư mua đang đi đường cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

- Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng;
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng vật tư mua đang đi đường đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ:

- Trị giá hàng hoá vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho đơn vị)

1.4.2 Các phương pháp hạch toán

1.4.2.1 Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

❖ Nội dung và các tài khoản sử dụng:

♦ Nội dung:

- Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Phương pháp này được sử dụng phổ biến ở nước ta vì những tiện ích của nó như: độ chính xác cao, cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời cập nhật.

- Theo phương pháp này, kế toán có thể theo dõi số lượng nhập xuất tồn kho của từng loại nguyên vật liệu và trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho trên tài khoản sổ kế toán được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kế toán.

♦ Các tài khoản kế toán sử dụng:

TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

TK 151 - Hàng mua đang đi đường

TK 331 - Phải trả người bán. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm,

thực hiện dịch vụ của các ngành công nghiệp, xây lắp, nông lâm ngư nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, kinh doanh khách sạn, du lịch, dịch vụ khác.

TK 627 - Chi phí sản xuất chung. Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh chung phát sinh ở phân xưởng, bộ phận, đội, công trường ... phục vụ sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ.

TK 641 - Chi phí bán hàng

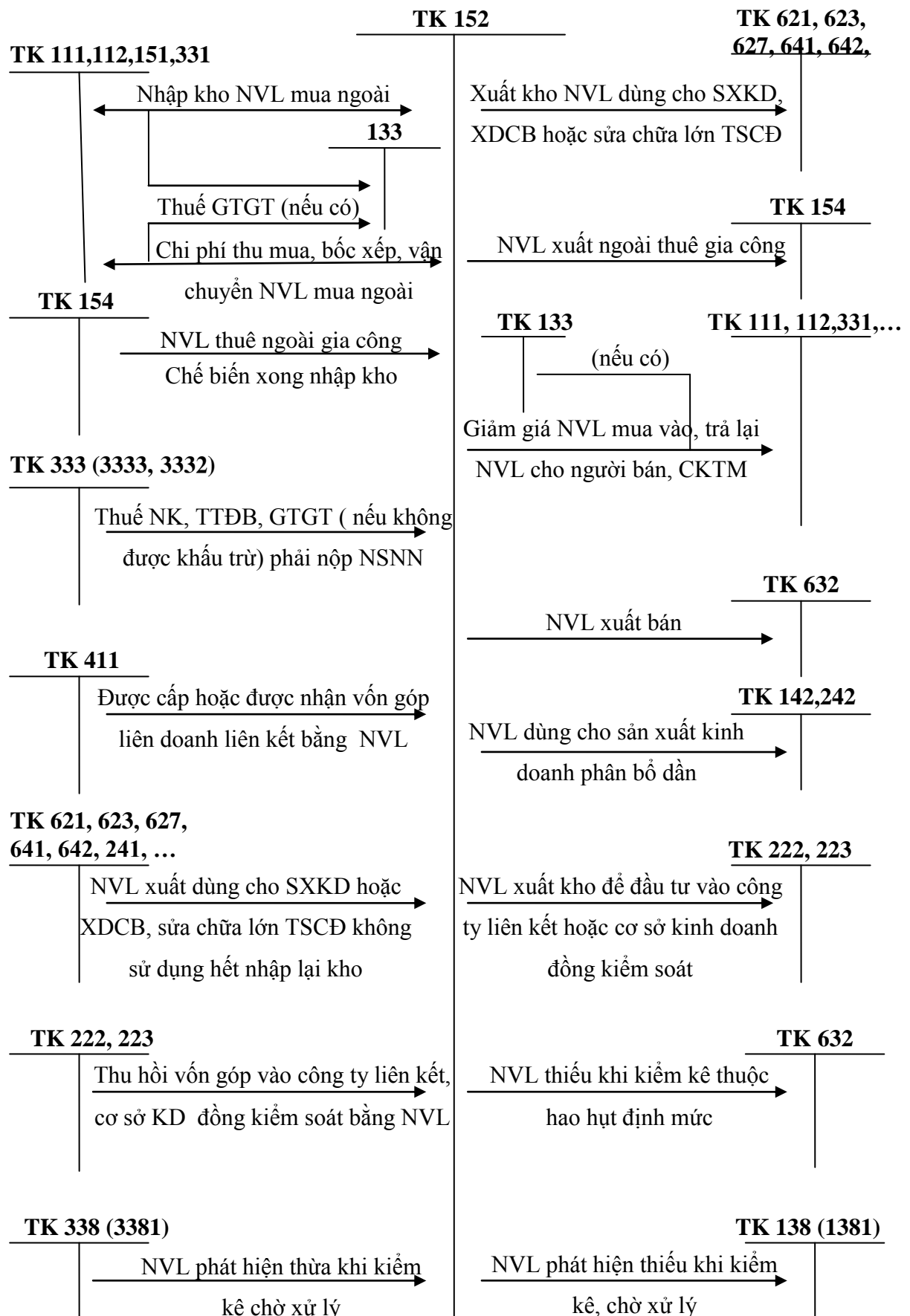
TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

TK 142 - Chi phí trả trước ngắn hạn

TK 241 - Chi phí xây dựng dở dang

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản như TK 111, TK 112, TK 141, TK 138...

Sơ đồ 1.4: Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.



1.4.2.2 Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ**❖ Nội dung và tài khoản sử dụng:****• Nội dung:**

- Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn kho của nguyên vật liệu trên các tài khoản hàng tồn kho. Các tài khoản này chỉ phản ánh trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ hoặc cuối kỳ.

- Trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên “Tài khoản mua hàng”.

- Việc xác định trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ để tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực tế} \\ \text{của NVL xuất} & = & \text{của NVL tồn} & + & \text{của NVL nhập} & - & \text{của NVL tồn} \\ \text{kho trong kỳ} & & \text{kho đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{kho cuối kỳ} \end{array}$$

- Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá với quy cách mẫu mã khác nhau, giá trị thấp và được xuất thường xuyên.

- Phương pháp kiểm kê định kỳ có ưu điểm là giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán nhưng độ chính xác về vật tư, hàng hoá xuất dùng cho các mục đích khác nhau phụ thuộc vào công tác quản lý tại kho, quây, bến bãi.

• Tài khoản kế toán sử dụng:

Kế toán tổng hợp tình hình nhập, xuất nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ sử dụng:

TK 152- Nguyên liệu, vật liệu. Tài khoản này không phản ánh tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu trong kỳ mà chỉ dùng để kết chuyển trị giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ và đầu kỳ (Kết cấu và nội dung phản ánh đã nêu ở trên)

TK 151 - Hàng mua đang đi đường (Kết cấu và nội dung phản ánh đã nêu ở trên)

TK 611 - Mua hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ. Kết cấu của tài khoản:

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá gốc nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê)
- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu mua vào trong kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá gốc nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê)
 - Giá gốc nguyên liệu, vật liệu xuất sử dụng trong kỳ.
 - Giá gốc nguyên liệu, vật liệu mua vào trả lại người bán hoặc được giảm giá.
- Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra, cũng giống như phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp kiểm kê định kỳ cũng sử dụng thêm một số tài khoản như: TK 111, TK 112, TK 128, TK 621, TK 641, TK 642....

❖ Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

1. Đầu kỳ, kết chuyển trị giá nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng

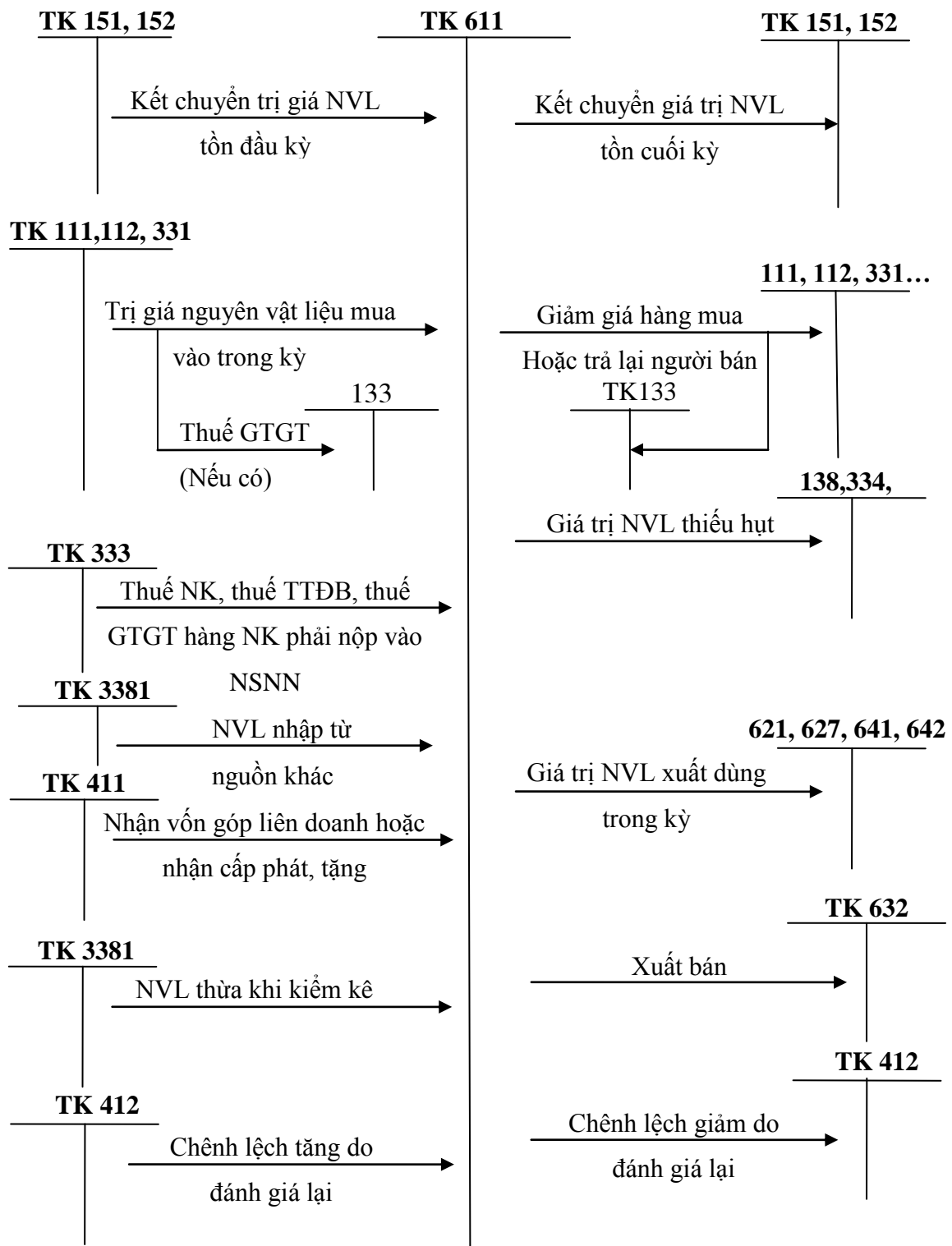
Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

2. Cuối kỳ, căn cứ vào kết quả kiểm kê xác định giá trị nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 611 - Mua hàng.

Sơ đồ 1.5: Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.5 Hệ thống sổ sách kế toán

Trên thực tế hiện nay, các Doanh nghiệp có thể áp dụng ghi sổ kế toán theo một trong bốn hình thức kế toán mà bộ tài chính ban hành sau:

- Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung

- Hình thức sổ kế toán Nhật ký sổ cái
- Hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức sổ kế toán Nhật ký chứng từ

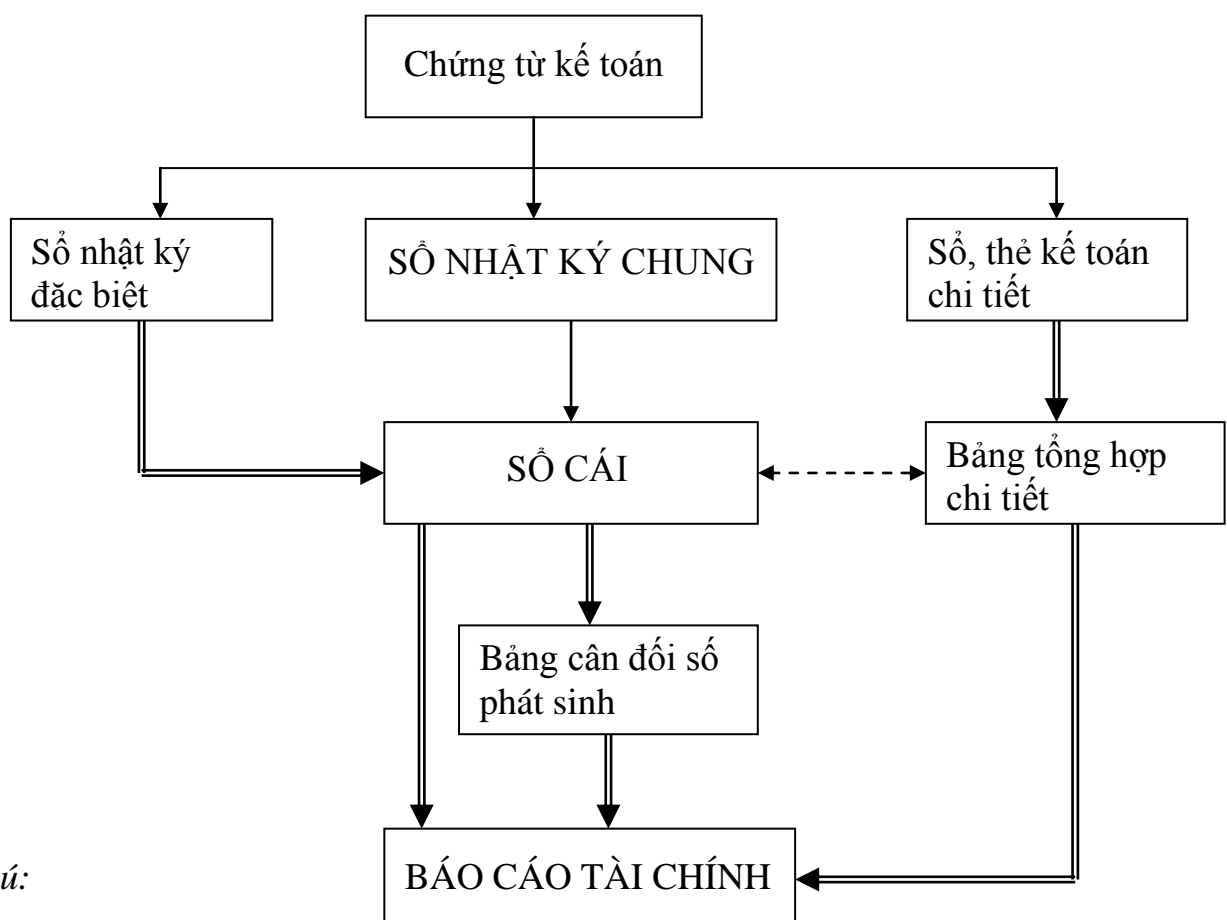
1.5.1 Hình thức kế toán nhật ký chung:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký chung mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy các số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức sổ nhật ký chung bao gồm cáo loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ← - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký-Sổ cái. Căn cứ để ghi Nhật ký-Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.

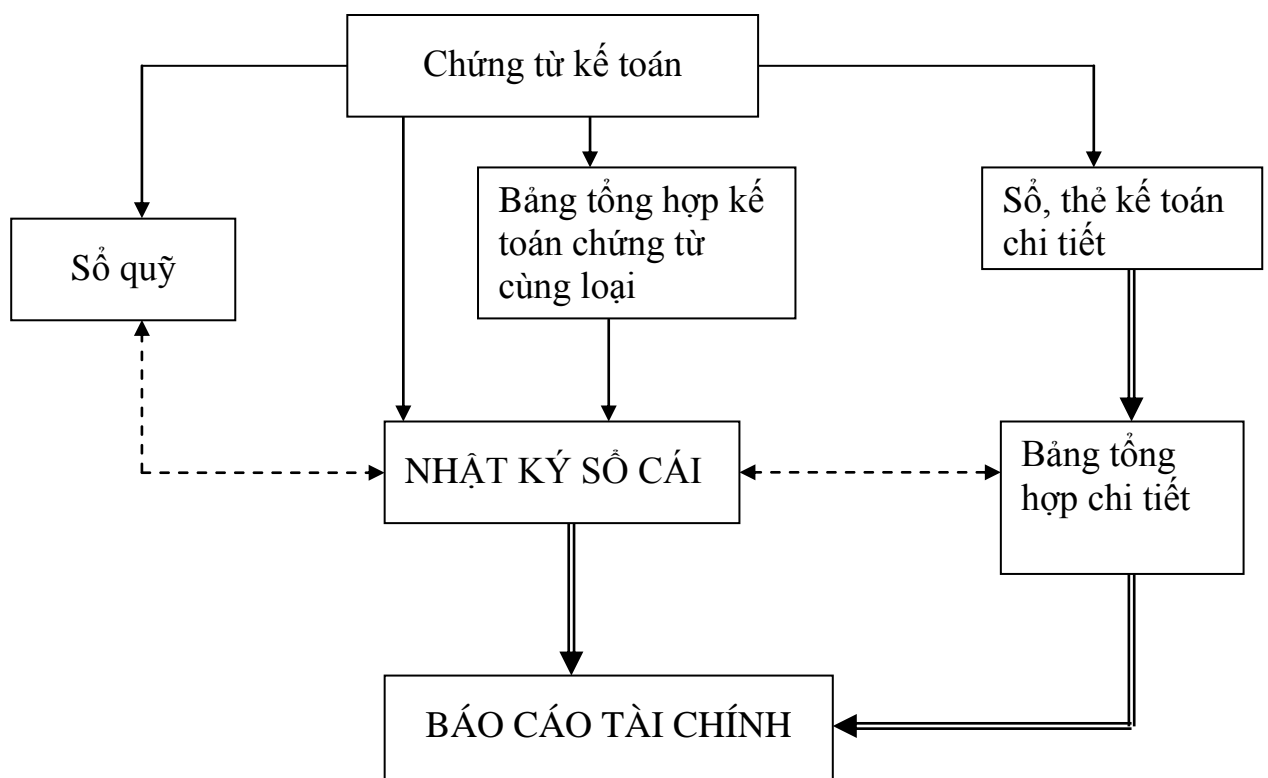
Hệ thống sổ Nhật ký-Sổ cái bao gồm các loại sổ sau:

- + Sổ nhật ký-sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Ưu nhược điểm: Hạch toán theo hệ thống sổ Nhật ký-Sổ cái rất đơn giản, số liệu kế toán tập trung. Tuy vậy, hình thức sổ có hạn chế lớn là ghi trùng lặp trên cùng một dòng ghi, khuôn sổ công kênh, khó bảo quản trong niên độ, số lượng sổ tổng hợp chỉ có một quyển nên khó phân công lao động kế toán cho mục đích kiểm toán nội bộ.

Điều kiện áp dụng: Áp dụng trong các doanh nghiệp có ít tài khoản sử dụng, ít lao động kế toán, khối lượng nghiệp vụ phát sinh không nhiều.

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Ghi theo trình tự nội dung kinh tế trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ gốc đính kèm theo phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

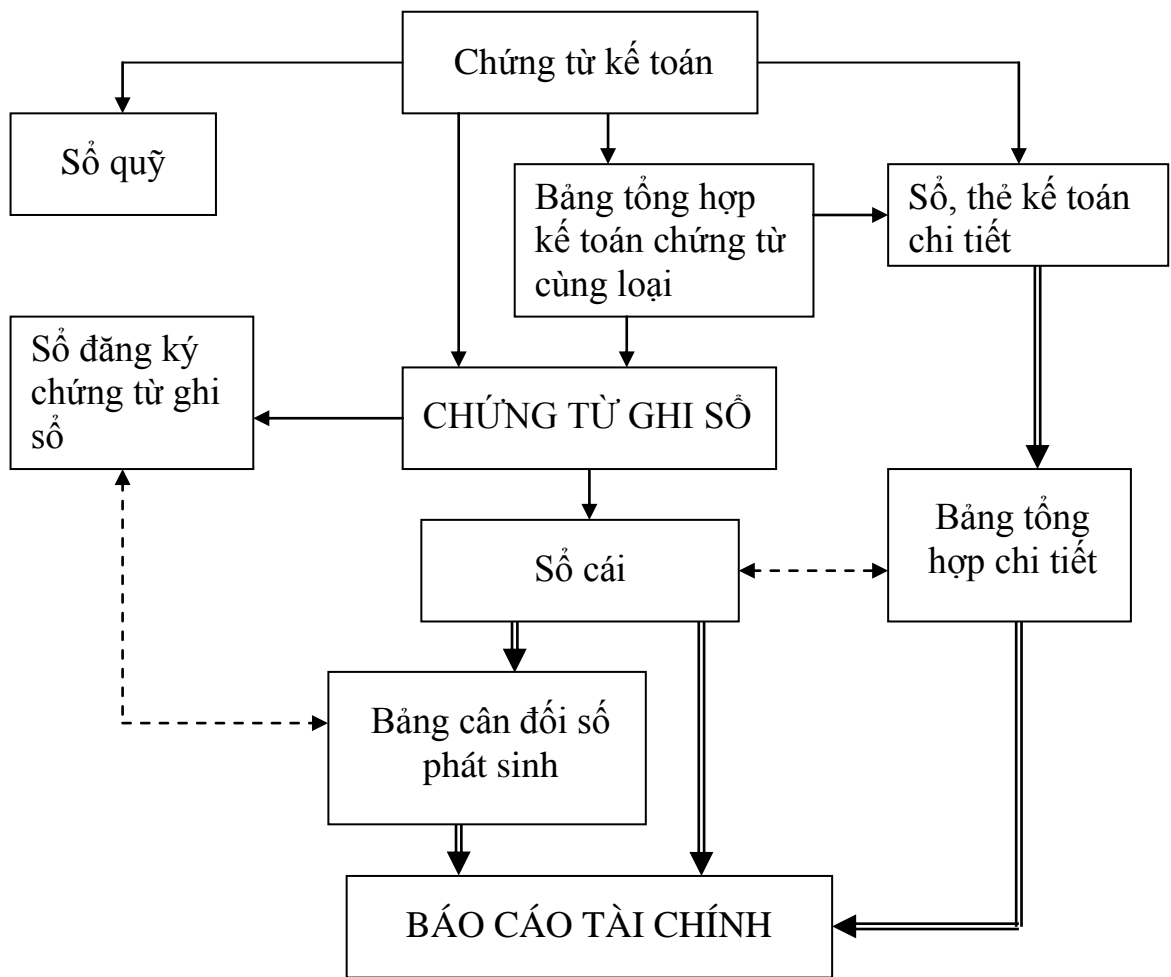
Hệ thống chứng từ ghi sổ sử dụng các sổ tổng hợp chủ yếu sau:

- + Sổ chứng từ ghi sổ - Sổ nhật ký tổng hợp
- + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ - Sổ Nhật ký tổng quát
- + Sổ cái tài khoản
- + Sổ thẻ kế toán chi tiết

Ưu nhược điểm: Ghi chép đơn giản, kết cấu sổ để ghi thống nhất các thiết kế sổ nhật ký và sổ cái, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. Tuy vậy, hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ vẫn chưa khắc phục được nhược điểm ghi chép trùng lặp của các hình thức sổ kế toán ra đời được sử dụng trước nó

Điều kiện áp dụng: Áp dụng với mọi loại quy mô đơn vị sản xuất kinh doanh và đơn vị quản lý cũng như đơn vị hành chính sự nghiệp

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.4 Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

Các nguyên tắc cơ bản

- + Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ
- + Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian về việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.
- + Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết.
- + Sử dụng các mẫu sổ in sẵn, các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế tài chính và lập báo cáo tài chính

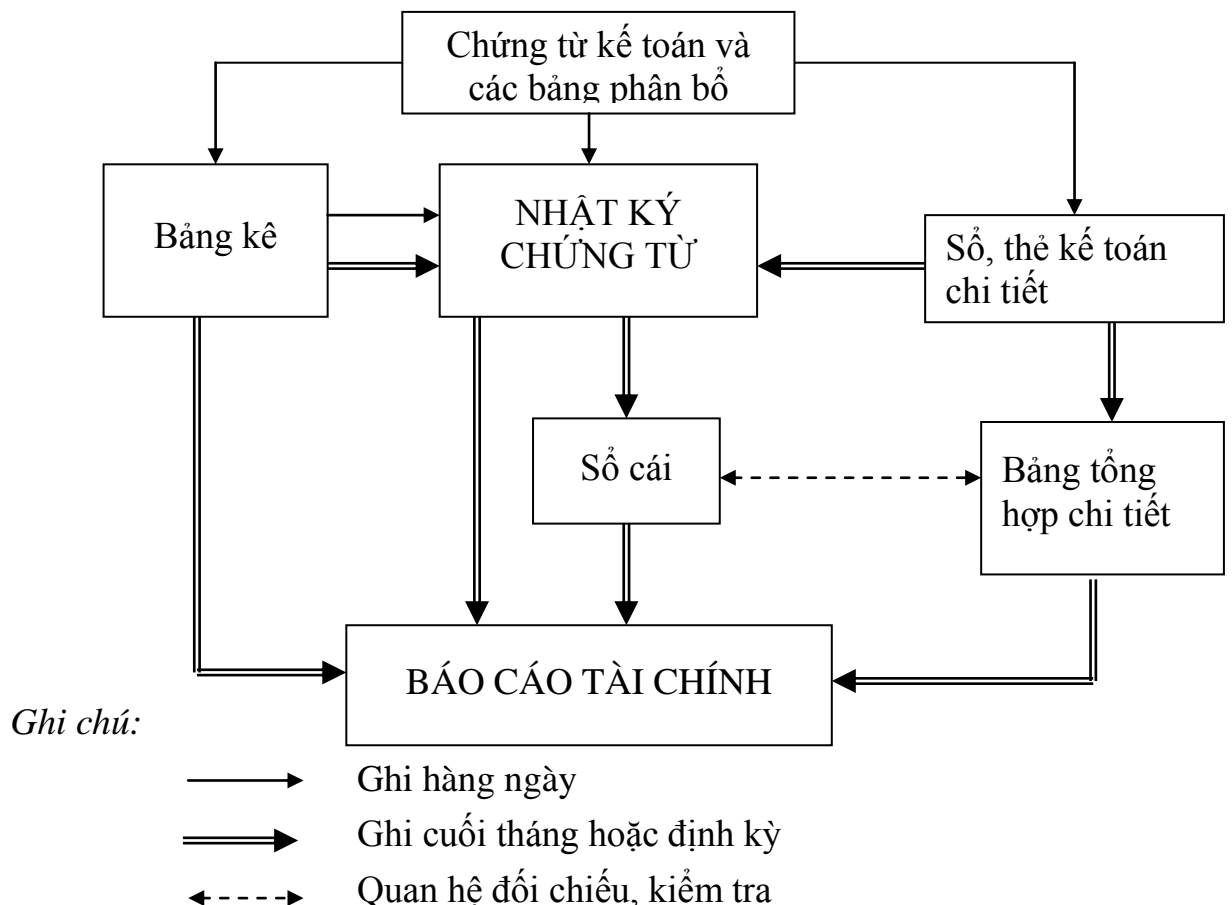
Hệ thống sổ Nhật ký chứng từ bao gồm các loại sổ sau:

- + Sổ nhật ký-chứng từ
- + Bảng kê
- + Sổ cái
- + Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Ưu nhược điểm: Đảm bảo tính chuyên môn hoá cao của sổ kế toán, thực hiện chuyên môn hoá và phân công chuyên môn hoá lao động. Sổ kế toán kết cấu theo hình bàn cờ nên tính chất đối chiếu kiểm tra cao, mẫu sổ in sẵn quan hệ đối ứng và ban hành thống nhất tạo kỷ cương cho việc ghi chép. Tuy vậy, hạn chế lớn nhất của hình thức này là phức tạp về kết cấu, quy mô số lớn về lượng và loại đa dạng kết cấu giữa các đối tượng trên loại sổ Nhật ký chính và phụ nên khó vận dụng máy tính để xử lý số liệu.

Điều kiện áp dụng: Áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất hoặc doanh nghiệp thương mại có quy mô lớn, đội ngũ nhân viên kế toán đủ nhiều, đủ trình độ để thao tác nghiệp vụ đúng trên sổ, đơn vị chủ yếu thực hiện kế toán bằng lao động thủ công.

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ

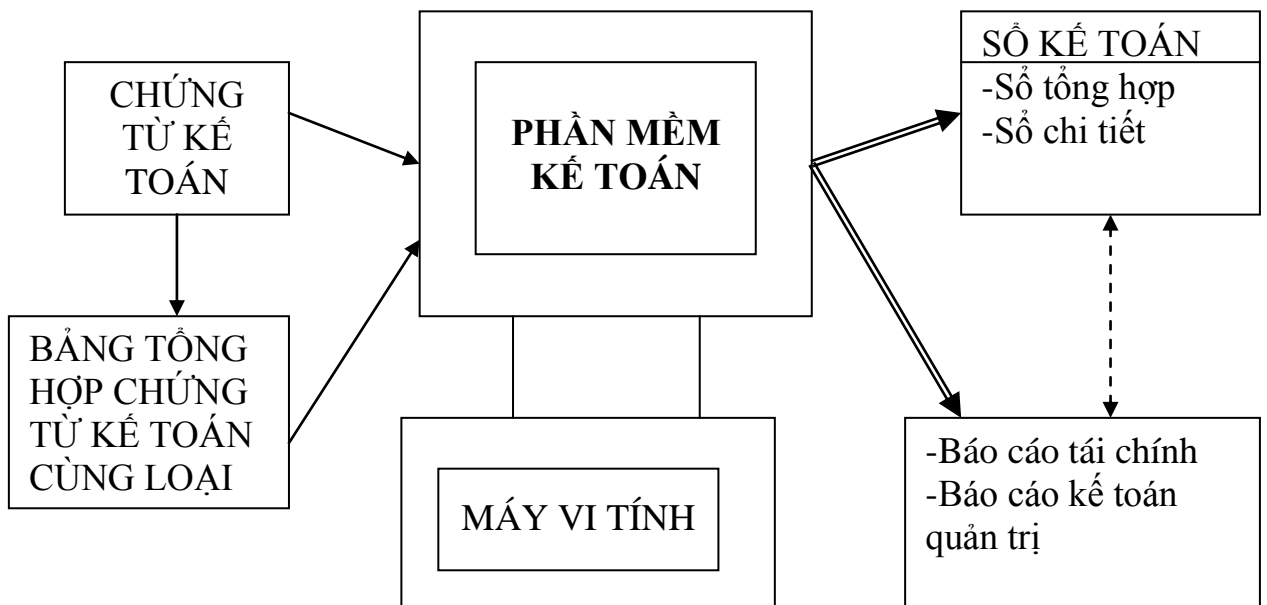


1.5.3 Hình thức kế toán trên Máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chu trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán bằng tay.

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN CƠ KHÍ DUYÊN HẢI

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH NN một thành viên Cơ khí Duyên Hải.

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

a) Các thông tin về doanh nghiệp

Cùng với Công ty TNHH NN một thành viên Cơ khí Hà Nội, Công ty TNHH NN Một thành viên Cơ khí Duyên Hải là một trong sáu công ty con của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp. Công ty là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có đăng ký kinh doanh, sử dụng con dấu riêng theo quy định của nhà nước, tổ chức và hoạt động theo luật doanh nghiệp, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

Từ năm 1955 đến nay, qua 55 năm thành lập và phát triển, Công ty đã trải qua nhiều biến động lớn và đổi tên nhiều lần. Theo Quyết định số 217/2003/QĐ-BCN ngày 15/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Công ty Cơ khí Duyên Hải được đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Duyên Hải. Ngày 28/03/2005, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ tư cho doanh nghiệp với tên gọi Công ty TNHH nhà nước một thành viên Cơ khí Duyên Hải.

Tên giao dịch:

Tên tiếng Việt: Công ty TNHH nhà nước một thành viên Cơ khí Duyên Hải

Tên tiếng Anh: Duyen Hai Mechanical National Co., Ltd

Tên viết tắt: DMC (DMC Co., LTD)

Địa chỉ:

Trụ sở chính: 133 đường 5 cũ, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Tel: +84-31-3745138

Fax: +84-31-3745730

Mã số thuế: 0200596735

Website: <http://www.mie.com.vn>.

Email: ckduyenhai@hn.vnn.vn.

Vốn điều lệ và tư cách pháp nhân:

Vốn điều lệ của Doanh nghiệp: 66.600.000.000 tỷ đồng Việt Nam. Chủ sở hữu của công ty là Nhà nước mà đại diện là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp

Các xí nghiệp thành viên:

Công ty liên doanh với hãng HANJUNG (Hàn Quốc) thành lập Công ty Công nghiệp nặng Hàn-Việt, chuyên sản xuất sản phẩm kết cấu thép siêu trường, siêu trọng với vốn pháp định là 10,16 triệu USD, vốn đầu tư 25,7 triệu USD, trong đó Công ty cơ khí Duyên Hải góp 30% vốn pháp định bằng quyền sử dụng đất. Liên doanh đi vào hoạt động tháng 10-1997.

Công ty liên doanh với hãng TAHAGY (Nhật Bản) và một số đối tác thành lập Công ty Cơ khí Việt- Nhật đúc gang chất lượng cao với vốn pháp định là 2,53 triệu USD, vốn đầu tư là 7,8 triệu USD. Công ty cơ khí Duyên Hải đóng 5% vốn pháp định. Liên doanh đi vào sản xuất cuối năm 1996.

b) Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Cơ khí Duyên Hải thành lập ngày 05/10/1955, sau ngày thành phố Hải Phòng hoàn toàn giải phóng với tên gọi Tập đoàn sản xuất Duyên Hải, trên cơ sở một xưởng sản xuất của tư sản người Pháp. Sự ra đời của Tập đoàn sản xuất Duyên Hải có ý nghĩa đặt nền móng cho sự ra đời của một nhà máy sản xuất cơ khí lớn của Miền Bắc.

Năm 1958, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính thành phố quyết định nâng Tập đoàn sản xuất Duyên Hải lên cấp xí nghiệp quốc doanh, quy mô được mở rộng, đội ngũ cán bộ công nhân viên tăng lên và bộ máy quản lý được củng cố. Nhà máy trở thành một trong những đơn vị đi đầu ngành công nghiệp Thành phố và Trung ương.

Trong giai đoạn thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) ngành cơ khí chế tạo được xác định là ngành then chốt, Hội đồng chính phủ quyết định chuyển Nhà máy cơ khí Duyên Hải trực thuộc Bộ Công nghiệp nặng. Cũng trong giai đoạn này nhà máy đã có những bước cải tiến trong tổ chức sản xuất hiệu quả, tinh thần thi đua lao động và học tập của cán bộ công nhân viên nhà máy dâng lên rất cao đóng góp không nhỏ công cuộc xây dựng và kiến thiết đất nước. Phong trào “Sóng Duyên Hải” trở thành phong trào thi đua của ngành công nghiệp toàn miền Bắc.

Suốt 10 năm (1965-1975) chiến tranh ác liệt, cán bộ công nhân Nhà máy đã vượt lên bao khó khăn, gian khổ, thiếu thốn, hy sinh, lao động quên mình, góp phần cùng cả nước làm nên đại thắng của dân tộc, thống nhất Đất nước đi lên CNXH.

Thời kỳ từ năm 1975 - 1985, đặc biệt là trong 10 năm 1986-1995, thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, trước những khó khăn mới phải cạnh tranh gay gắt của cơ chế thị trường, bên cạnh đó công nghệ thiết bị nhà máy bị cũ kỹ, đội ngũ cán bộ, công nhân chưa được đào tạo bồi dưỡng kiến thức mới. Vào thời điểm một mất, một còn này, một hướng đi mới cho Công ty là đầu tư xây dựng một dây chuyền luyện, cán thép xây dựng. Thép Duyên Hải đã ra đời và nhanh chóng tạo được chỗ đứng trên thị trường, bước đầu vượt qua thời kỳ khó khăn.

Thời kỳ những năm 1985 - 1995 là giai đoạn khó khăn của Công ty nhà nước nói chung và Cơ khí Duyên Hải nói riêng khi chuyển từ cơ chế quản lý quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường. Với số lượng công nhân giảm, tình hình sản xuất bị ngưng trệ đe dọa đến sự sống còn của nhà máy. Trước tình hình đó nhà máy đã quyết định đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất thép xây dựng. Từ một đơn vị bên bờ vực của sự phá sản, Công ty đã duy trì, đứng vững và từng bước trưởng thành, sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn mang lại doanh thu ổn định, uy tín của Công ty nâng cao trong Tổng Công ty và các Doanh nghiệp cơ khí của Thành phố.

Từ năm 1996 đến nay, Công ty không ngừng khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh và những yếu tố thuận lợi để phát triển sản xuất. Trong đó đã liên doanh với hãng HanJing (Hàn Quốc) thành lập Công ty công nghiệp nặng Hàn Việt chuyên sản xuất hàng cơ khí siêu trường, siêu trọng; liên doanh với Công ty YAHAJI (Nhật Bản) và một số đối tác thành lập Công ty TNHH cơ khí Việt Nhật đúc gang chất lượng cao. Công ty tập trung đẩy mạnh công tác khoa học công nghệ, hoàn thành, bảo vệ thành công dự án cấp Nhà nước KC05. DA 02, nghiên cứu chế tạo cặp bánh răng cỡ lớn, có độ bền cao phục vụ các nhà máy xi măng trong và ngoài nước. Nghiên cứu chế tạo thành công các dây chuyền cán thép Tam Diệp, Sông Đà, Nam Đô, thép Hoà Phát, SSE I, II, thuỷ điện Plêikrông đòi hỏi kỹ thuật cao, chất lượng tiêu chuẩn quốc tế, tăng doanh thu sản phẩm cơ khí từ 10 tỷ lên 35 tỷ đồng/năm. Trong 5 năm từ 2001 đến 2005, Công ty đã đưa ra thị trường các loại hộp giảm tốc cỡ lớn, đúc gang cần hợp kim chất lượng cao phục vụ thị trường cán thép dây chuyền cán thép, phụ tùng công nghiệp và máy công nghiệp, thiết bị thủy công...

55 năm xây dựng và trưởng thành, tập thể cán bộ công nhân viên Công ty TNHH Nhà nước một thành viên cơ khí Duyên Hải đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng: 02 Huân chương Lao động hạng nhất; 01 Huân chương Lao động

hạng nhì; 04 Huân chương Lao động hạng ba ... và nhiều thành tích tập thể và cá nhân khác.

Ngày nay, Công ty Cơ khí Duyên Hải với 6 phân xưởng sản xuất chính có khả năng sản xuất những mặt hàng có kỹ thuật cao phục vụ cho ngành công nghiệp.

Mục tiêu tổng quát đến năm 2020 của Công ty là tiếp tục phát huy mọi tiềm năng, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, sản xuất ổn định và hướng tới tăng trưởng, mở rộng thị phần sản phẩm cơ khí, kỹ thuật đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, hoà nhập với công nghệ gia công cơ khí trong khu vực, đời sống người lao động được nâng cao, doanh nghiệp phấn đấu trở thành một doanh nghiệp cơ khí mạnh của Thành phố và của Tổng công ty máy và thiết bị công nghiệp.

2.1.2 Đặc điểm quy trình công nghệ và tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty

2.1.2.1 Ngành nghề kinh doanh chủ yếu bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh thiết bị, máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại, khung nhà xưởng và kết cấu thép xây dựng.
- Sản xuất, kinh doanh xây dựng, thép hình, phá dỡ tàu cũ.
- Sản xuất, kinh doanh thiết bị nâng hạ.
- Xuất, nhập khẩu máy móc, vật tư.
- Xây dựng công nghiệp, dân dụng, cơ sở hạ tầng, phát triển kinh doanh nhà.

Công ty có ban quản lý dự án di chuyển và đầu tư phát triển chiều sâu nâng cao năng lực sản xuất được thành lập theo Quyết định số 73/QĐ-CKDH ngày 19/07/2003 của Chủ tịch công ty. Ban quản lý dự án của Công ty thực hiện hạch toán kế toán nói riêng. Trong tháng 6/2005, Công ty đã hợp nhất báo cáo quyết toán xây dựng cơ bản khu nhà máy mới và quyết toán sản xuất kinh doanh.

Biểu số 2.1

Một số chỉ tiêu kinh tế phản ánh kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần đây:

Chỉ tiêu	2008	2009	2010
Doanh thu	13.497.907.801	35.145.120.211	104.162.933.266
Lợi nhuận trước thuế	-2.034.920.885	140.658.716	61.153.322.375
Thu nhập bình quân	1.400.000	1.750.000	2.200.000

2.1.2.2 Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất và đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty.

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh công ty tổ chức nhiều bộ phận sản xuất hay còn gọi là phân xưởng. Mỗi phân xưởng thực hiện một chức năng, nhiệm vụ riêng của mình. Bao gồm sáu phân xưởng sản xuất.

- Phân xưởng Đúc: Làm nhiệm vụ đúc các khuôn thổi, gia công thô, đúc khung hộp số.

- Phân xưởng kết cấu: Chế tạo kết cấu sản phẩm.

- Phân xưởng cán thép: Làm nhiệm vụ cán thép xây dựng.

- Phân xưởng rèn dập: Làm nhiệm vụ rèn sản phẩm.

- Phân xưởng cơ khí: Làm nhiệm vụ tiện, phay, bào, gọt... để tạo ra sản phẩm.

- Phân xưởng lắp ráp: lắp các thiết bị, chi tiết để hoàn chỉnh sản phẩm.

Quy trình công nghệ một số sản phẩm chủ yếu:

- **Quy trình công nghệ sản xuất thép xây dựng:**

Bước 1: Nguyên vật liệu chính là phôi thép được đưa vào lò nung phôi, lò đốt bằng dầu FO.

Bước 2: Sau đó chuyển sang dàn cán để tạo ra thép xây dựng, thép được cắt ra theo đúng quy định rồi nhập kho.

- Quy trình công nghệ sản xuất hộp số các loại:

Tạo khung hộp số:

- Bước 1: (Tại phân xưởng Đúc) Nguyên vật liệu (thép vụn, sắt vụn...) được đưa vào để luyện, sau khi sắt thép đã hóa lỏng thì đưa ra lò nung bằng một hệ thống tự động và rót ra khuôn đúc để đổ khuôn tạo ra khung hộp số.

- Bước 2: chuyển sản phẩm đó sang phân xưởng cơ khí để gia công hoàn thiện.

Tạo chi tiết hộp số:

- Bước 1: Nguyên vật liệu (thép tròn...) được đưa vào phân xưởng rèn (cắt, nung, rèn...) để tạo phôi sản phẩm.

- Bước 2: Chuyển bán thành phẩm sang phân xưởng cơ khí để gia công sản phẩm (như tiện, phay, bào gọt...). Những chi tiết tạo ra được nung trên lò tôi cao tầng để tăng độ bền cho sản phẩm.

- Bước 3: Phân xưởng lắp ráp sẽ làm nhiệm vụ lắp ráp khung hộp số với chi tiết hộp số tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh.

Các sản phẩm đến tay khách hàng phải hoàn toàn được kiểm tra đầy đủ căn cứ trên hồ sơ đảm bảo chất lượng được gửi kèm theo.

❖ Thuận lợi:

- Công ty đặt tại Quán Toan xa dân cư vì vậy việc sản xuất không ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.
- Bộ máy quản lý gọn nhẹ, được phân chia rõ ràng phù hợp với cơ cấu sản xuất.
- Phương pháp quản lý khoa học, tạo điều kiện cho người lao động phát huy được năng lực của cán bộ công nhân viên.
- Giá giờ công lao động ở Việt Nam tương đối thấp.
- Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, cụ thể là đã tiến hành đào tạo tại chỗ cho toàn bộ kỹ sư và công nhân.
- Kịp thời nắm bắt thị trường, không ngừng cải tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm, từng bước lấy được lòng tin của khách hàng.

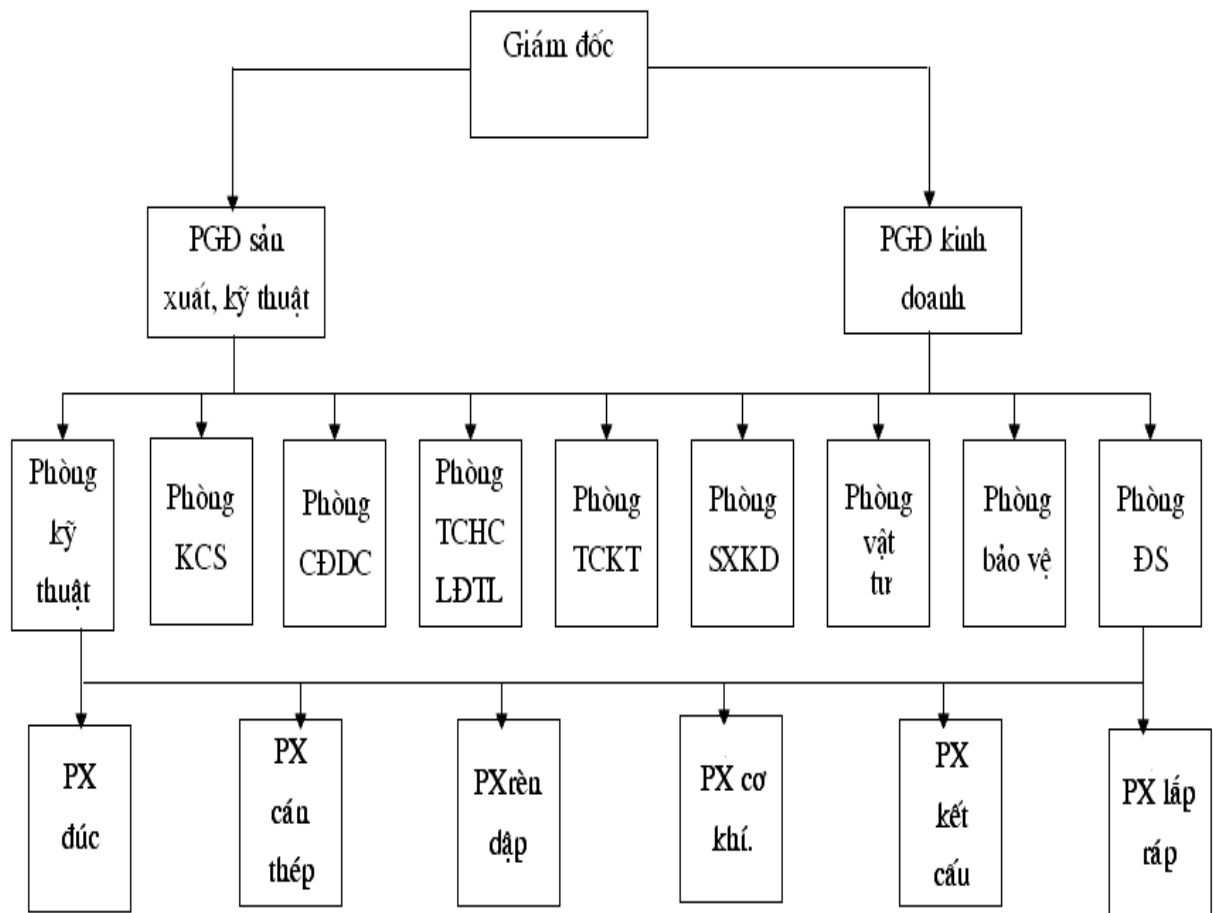
❖ Khó khăn:

- Các chi phí tăng: giá điện, giá nước, giá xăng... kéo theo sự gia tăng về chi phí đầu vào trong doanh nghiệp
- Hiện nay, trên thị trường có khá nhiều công ty sản xuất về cơ khí dẫn đến sự cạnh tranh các mặt hàng rất lớn.
- Lực lượng cán bộ công nhân có trình độ tay nghề chênh lệch, một số thợ bậc cao nhưng sức khỏe thấp, tiếp thu cái mới chậm.
- Cán bộ phụ trách kỹ thuật còn có mặt hạn chế.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý ở công ty

Bộ máy quản lý của Công ty đang áp dụng là quản lý ba cấp theo cơ cấu trực tuyến, người lãnh đạo công ty ra các quyết định cho các phòng, các phân xưởng chịu trách nhiệm về việc sản xuất, cung ứng vật tư hàng hoá tạo ra sản phẩm.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của Công ty



Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận được quy định như sau:

★ Ban lãnh đạo gồm:

- **Giám đốc công ty:** Người có quyền hạn cao nhất, chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo toàn vốn của nhà nước, nộp thuế cho nhà nước và đảm bảo quyền lợi cho cán bộ công nhân viên. Ngoài ra giám đốc còn là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Là người trực tiếp ký các hợp đồng với các cơ quan, đối tác, khách hàng về việc cung cấp, mua bán, hỗ trợ, tài trợ, tiếp nhận... là đại diện pháp lý của công ty. Đồng thời xây dựng hệ thống nhân sự đáp ứng được nhu cầu và khả năng sản xuất kinh doanh của công ty theo từng thời kỳ.

▪ **Phó giám đốc**

<i>Phó giám đốc kinh doanh</i>	<i>Phó giám đốc sản xuất - kỹ thuật</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Là người giúp việc chính cho Giám đốc trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh. - Được Giám đốc uỷ quyền thay chủ tài khoản ký kết các hợp đồng kinh tế, trực tiếp phụ trách các phòng đời sống, vật tư, kế toán, sản xuất kinh doanh. - Lên kế hoạch xây dựng, triển khai, giám sát các chiến lược kinh doanh của Công ty theo mục tiêu chung. - Chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> - Là người giúp việc chính cho Giám đốc trong lĩnh vực sản xuất - kỹ thuật. - Là người chịu trách nhiệm về công tác đào tạo công nhân, tiến độ sản xuất, an toàn lao động, trực tiếp phụ trách các phòng kỹ thuật, KCS, phòng cơ điện dụng cụ.

★ **Các phòng ban gồm:**

▪ **Phòng kỹ thuật**

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tổ chức điều hành sản xuất.
- Quản lý công nghệ.
- Quản lý kỹ thuật an toàn.
- Quản lý sang kiến kỹ thuật, công tác thiết kế bản vẽ.
- Xây dựng và quản lý các định mức tiêu hao vật tư sao cho vừa giảm tỉ lệ phế phẩm vừa giữ được tối đa năng lực hiện có.
- Quản lý tốt dây chuyền sản xuất.

▪ **Phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS)**

Giúp Giám đốc về công tác chất lượng sản phẩm. Đồng thời chịu trách nhiệm kiểm soát toàn bộ mọi vấn đề liên quan đến chất lượng sản phẩm từ đầu vào nguyên liệu đến khi sản phẩm ra thị trường.

Kiểm tra chặt chẽ chất lượng sản phẩm, kiểm tra việc tồn trữ nguyên liệu, thành phẩm, đánh giá độ ổn định, điều kiện bảo quản để xác lập hạn dùng, hạn tồn trữ.

Xử lý sản phẩm không đạt yêu cầu, quy trình tái chế hoặc huỷ bỏ.

Xem xét các khiếu nại về chất lượng, đề ra biện pháp khắc phục.

▪ **Phòng cơ điện - dụng cụ:** có trách nhiệm đảm bảo cho các máy móc hoạt động tốt, sửa chữa khi có hư hỏng. Cung cấp các dụng cụ cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

▪ **Phòng tổ chức hành chính và lao động tiền lương:** theo dõi, đảm bảo chế độ chính sách cho người lao động, công tác tổ chức cán bộ, công tác hành chính và các công tác nội chính khác trong Công ty. Cụ thể là thực hiện chế độ về bảo hộ lao động, an toàn, vệ sinh lao động, chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, kỷ luật, khen thưởng...theo quy định của Nhà nước. Tổ chức xây dựng bộ máy quản lý, đào tạo tay nghề trình độ cán bộ công nhân viên Công ty. Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ. Hỗ trợ việc kiểm tra, kiểm soát các phòng ban, phân xưởng trong việc xây dựng cơ cấu tổ chức, cơ chế điều hành cũng như quá trình thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế và tuân thủ đúng pháp luật cũng như quy định của công ty.

▪ **Phòng tài chính- kế toán:**

Quản lý công tác tài chính

Tổ chức mạng lưới kế toán, thống kê hợp lý tong phạm vi toàn công ty để quản lý tốt đầu ra cũng như đầu vào.

Chịu trách nhiệm về việc lập, ký, tính chính xác của báo cáo kế toán và gửi báo cáo kế toán đúng thời gian quy định của công ty.

Kiểm tra, kiểm soát đánh giá nhân sự và kết quả thực hiện công việc từng CBNV thuộc quyền.

Kiểm tra các nhu cầu mua sắm trang thiết bị cung cấp dịch vụ cho các bộ phận và đơn vị trực thuộc. Kiểm tra chi phí, giá cả theo kế hoạch được duyệt, sử dụng chi phí hiệu quả và tiết kiệm.

Tham gia đàm phán và kiểm tra việc ký kết hợp đồng kinh tế, các biên bản thoả thuận giữa công ty và đối tác.

Thiết lập các mối quan hệ phối hợp nội bộ và giữa các phòng ban để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Tham gia các hoạt động điều hành kế toán tài chính của công ty.

Tổ chức công tác hạch toán kế toán, kiểm tra kiểm soát các chứng từ, sổ sách, báo cáo số liệu, dữ liệu theo quy định của công ty, đảm bảo tính chính xác đầy đủ và kịp thời.

▪ **Phòng sản xuất kinh doanh:** hoạch định chiến lược phát triển, lập kế hoạch ngắn hạn, dài hạn của công ty, giúp Giám đốc nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty kịp thời. Cụ thể: phân tích nghiên cứu nhu cầu thị trường,

dự báo nhu cầu từ đó đưa ra các kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, xây dựng kế hoạch quảng cáo, lập các đơn hàng, các hợp đồng kinh tế, báo giá cho khách hàng. Lên kế hoạch tiến độ sản xuất, kế hoạch giao hàng, giao việc cụ thể cho các phòng ban.

- **Phòng vật tư - vận tải:** Có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các vật tư, các phương tiện vận tải để thực hiện tốt hoạt động sản xuất kinh doanh.
- **Phòng bảo vệ:** có trách nhiệm bảo vệ tài sản, trật tự an ninh cho Công ty. Chịu trách nhiệm trước ban lãnh đạo Công ty khi có mất mát hoặc vấn đề đối với tài sản.
- **Phòng đời sống:** giúp Giám đốc trong lĩnh vực đời sống của cán bộ công nhân viên, theo dõi và giúp đỡ những khó khăn, yêu cầu thiết yếu của cán bộ công nhân viên. Kiểm tra, theo dõi việc chấp hành kỷ luật lao động và các quy định trong phạm vi công ty. Bộ phận y tế trong phòng có nhiệm vụ khám và điều trị cho cán bộ công nhân viên, hàng năm kết hợp với phòng khám đa khoa tổ chức khám bệnh định kỳ cho cán bộ công nhân viên.
- **Sáu phân xưởng sản xuất:** căn cứ vào kế hoạch sản xuất được giao, cân đối thiết bị, nguyên vật liệu, khuôn mẫu, bản vẽ để thực hiện sản xuất theo kế hoạch được giao, đảm bảo đúng đủ số lượng, chất lượng và thời gian, phân công công việc tới các tổ, quản lý nhân sự các tổ sản xuất. Báo cáo người quản lý trực tiếp khi có vấn đề gì xảy ra trong quá trình sản xuất. Cung cấp thông tin về tiến độ và các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất tới các bộ phận liên quan và lãnh đạo phụ trách.

2.1.4 Tổ chức công tác kế toán

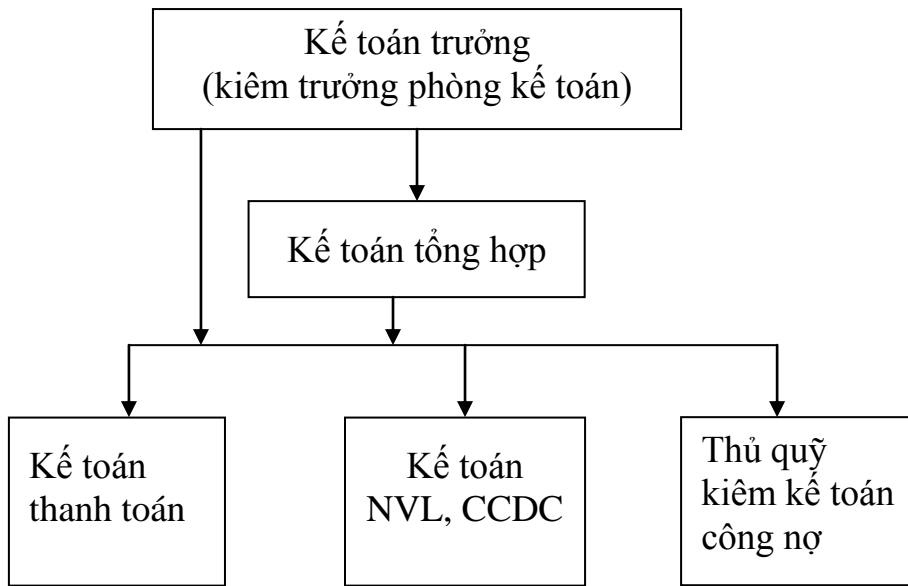
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Công ty tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung, không có kế toán riêng ở các bộ phận phân xưởng mà chỉ có các nhân viên kinh tế làm nhiệm vụ thống kê tình hình, ghi chép về sự biến động của toàn bộ tài sản của đơn vị mình về mặt số lượng để phục vụ cho công tác kế toán và quản lý kinh tế của công ty. Đồng thời thu thập chứng từ gốc có liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh gửi về phòng kế toán để tiến hành hạch toán.

Phòng kế toán công ty bao gồm 05 người đảm nhiệm các phần hành khác nhau, thực hiện kế toán hoạt động kinh tế tài chính phát sinh ở bộ phận các phân xưởng, khối văn phòng cùng với việc tổng hợp số liệu chung toàn nhà máy, lập các báo cáo kế toán định kỳ, quản lý toàn bộ công tác kế toán của Công ty.

Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán



Chức năng kế toán:

Kế toán trưởng: Là người có quyền hạn cao nhất trong bộ máy kế toán. Chỉ đạo các bộ phận kế toán về nghiệp vụ và ghi chép các chứng từ ban đầu đến việc sử dụng sổ sách kế toán.

Tổ chức công tác hạch toán kế toán, kiểm tra kiểm soát các chứng từ, sổ sách, báo cáo số liệu, dữ liệu theo quy định của công ty, đảm bảo tính chính xác đầy đủ và kịp thời.

Phân tích và đánh giá hiệu quả kinh doanh và hoạt động tài chính của công ty. Tham mưu với ban Giám đốc các chính sách kinh doanh, công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

Chịu trách nhiệm về việc lập, ký, tính chính xác của báo cáo kế toán và gửi báo cáo kế toán đúng thời gian quy định của Công ty và pháp lệnh kế toán thống kê.

Kế toán tổng hợp: Tổng hợp xác định chi phí sản xuất kinh doanh toàn công ty và lập BC quyết toán tài chính theo quy định của nhà nước.

Theo dõi biến động của tài sản cố định

Theo dõi, đối chiếu khoản thanh toán với công nhân viên và theo dõi tổng hợp thanh toán lương và các khoản trích theo lương của từng đối tượng. Phân bổ khấu hao cho đối tượng sử dụng.

Kế toán NVL, CCDC: Theo dõi, phản ánh tình hình nhập, xuất tồn kho NVL, CCDC.

Tham gia kiểm kê định kỳ và đột xuất, cung cấp số liệu cho phòng sản xuất.

Kế toán thanh toán: Phản ánh, ghi chép chính xác, đầy đủ số liệu tình hình tăng, giảm quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản vay ngắn hạn, dài hạn và vay các đối tượng khác.

Kiểm tra các chứng từ thu chi, vay mượn hợp lý, hợp lệ đúng theo quy định của Bộ tài chính.

Thủ quỹ kiêm kế toán công nợ: Căn cứ vào các hoá đơn, chứng từ hợp lệ để thu, chi tiền mặt. Theo dõi đối chiếu công nợ phải thu khác hàng, phải trả người cung cấp.

2.1.4.2 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, BCTC

▪ Tổ chức hệ thống chứng từ tại Công ty:

Hệ thống chứng từ kế toán của công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán mới ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải áp dụng niên độ kế toán trùng với năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 của mỗi năm.

Kỳ kế toán đối với việc ghi sổ kế toán ghi theo tháng, còn báo cáo kế toán lập theo quý.

▪ Tổ chức hệ thống tài khoản và phương pháp kế toán tại Công ty

Công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Công ty áp dụng thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên,

Tính giá thực tế xuất dùng vật tư, hàng hoá, thành phẩm kế toán áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ (theo tháng).

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, hàng hoá, thành phẩm theo phương pháp thẻ song song.

▪ Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Công ty

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi công ty đã áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời

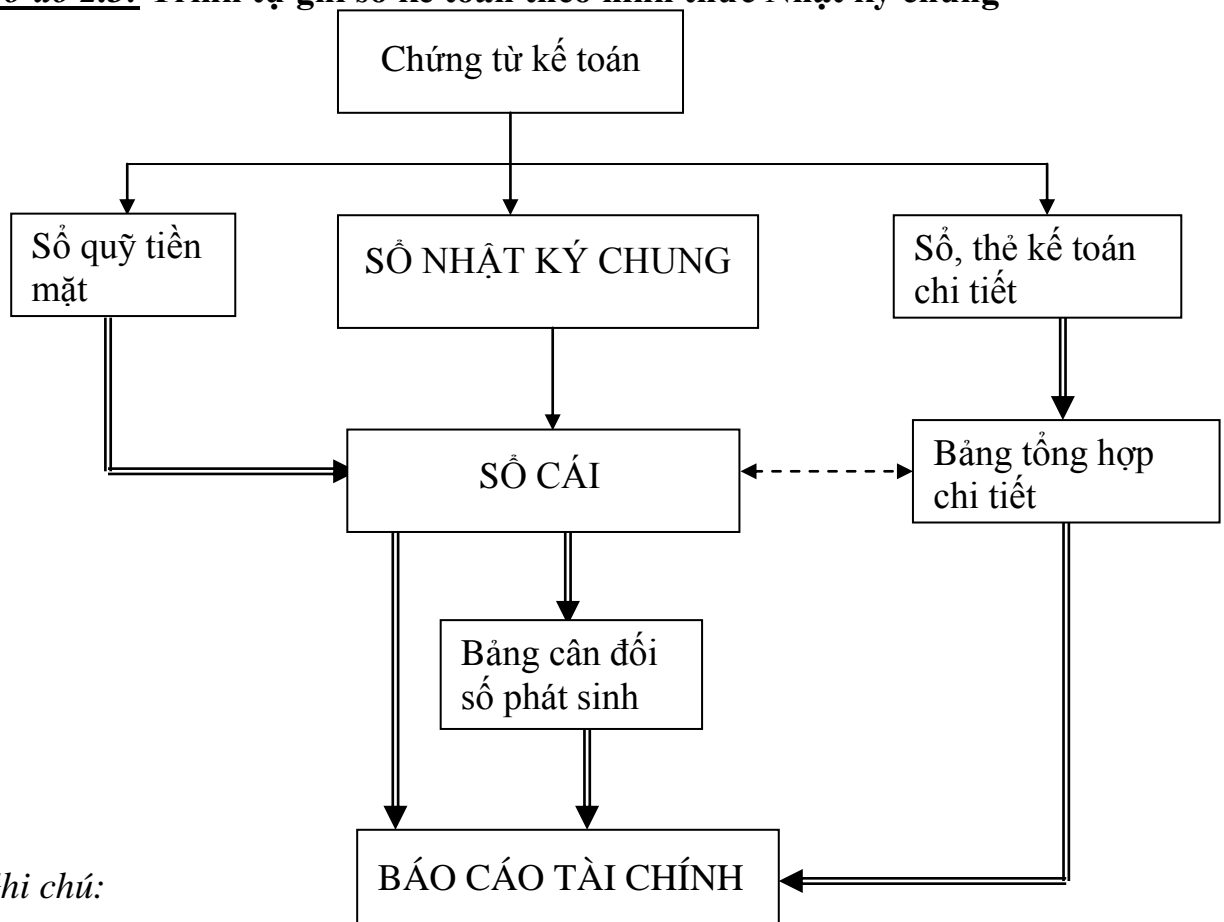
gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung bao gồm các loại sổ sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Bảng tổng hợp chi tiết.

Công ty áp dụng hình thức kế toán: “Nhật ký chung”. Theo hình thức này mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Đồng thời mở sổ chi tiết từng đối tượng. Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ Cái tài khoản có liên quan và sổ Chi tiết từng đối tượng. Cuối tháng căn cứ số liệu sổ Chi tiết kế toán tiến hành lập Bảng chi tiết. sau khi khoá sổ, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ để lập Báo cáo tài chính của kì kế toán.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: ==>

Kiểm tra, đối chiếu: <- - - - ->

▪ Hệ thống báo cáo tài chính:

Theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01 – DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B02 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B03 – DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B09 – DN)

2.2 Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải**2.2.1 Đặc điểm nguyên vật liệu của công ty**

Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải là một đơn vị mang tính chất sản xuất, chuyên sản xuất máy móc, thiết bị phụ tùng công nghiệp, sản xuất các mặt hàng thép phục vụ ngành công nghiệp nhẹ...cho nên nhu cầu về nguyên vật liệu là rất lớn. Sản phẩm của công ty sản xuất ra cũng rất đa dạng, nhiều chủng loại nên nguyên vật liệu cung cấp cho quá trình sản xuất cũng rất đa dạng và phong phú.

Xét về mặt chi phí thì nguyên vật liệu chiếm từ 70%-80% giá thành sản phẩm và toàn bộ chi phí sản xuất, nguyên vật liệu chính như sắt, thép, gang, đồng cũng làm cho giá thành sản phẩm biến động lớn.

Những đặc điểm trên khiến công tác quản lý nguyên vật liệu của công ty có những nét riêng biệt. Công ty phải quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu, sử dụng tiết kiệm có hiệu quả nhất, đặc biệt là nguyên vật liệu chính để có thể giảm giá thành sản phẩm, góp phần tăng lợi nhuận.

2.2.2 Phân loại nguyên vật liệu

Để tiến hành sản xuất sản phẩm công ty phải sử dụng nhiều loại vật liệu khác nhau với khối lượng vật liệu tương đối lớn, trong đó mỗi loại vật liệu có vai trò và công dụng khác nhau. Vì vậy, để quản lý được chặt chẽ, hạch toán chính xác tình hình nhập xuất vật liệu, tồn kho vật liệu đảm bảo cung cấp vật liệu một cách khoa học kịp thời cho sản xuất công ty đã tiến hành phân loại vật liệu như sau:

- Nguyên vật liệu chính: Bao gồm sắt, thép, gang, đồng.. là những vật liệu chủ yếu cấu tạo nên thực thể của sản phẩm.
- Nguyên vật liệu phụ: dầu mỡ, que hàn, giẻ lau, sơn các loại, vòng bi...
- Nhiên liệu: Xăng, dầu điezen, than...
- Phụ tùng thay thế: Vòng bi xe, xăm lốp, logicăng, nhíp, bulông, ốc vít...
- Vật liệu khác.

Ví dụ 2: Tình hình nhập xuất tồn của nguyên vật liệu Thép thỏi 5SP/PS120x120x12.000 mm của Công ty trong tháng 12 như sau:

- I. Tồn đầu kỳ: 2.600 kg, đơn giá 10.860đồng/kg.
- II. Trong tháng phát sinh các nghiệp vụ sau:
 - 1. Ngày 01/12 xuất 2.500 kg phục vụ sản xuất Thép cán xây dựng.
 - 2. Ngày 02/12 nhập 3.000 kg Thép thỏi, đơn giá 10.900 đồng/kg.
 - 3. Ngày 10/12 nhập 1.000 kg Thép thỏi, đơn giá 10.910 đồng/kg.
 - 4. Ngày 21/12 xuất 2.600 kg để sản xuất Thép cán xây dựng.
 - 5. Ngày 28/12 xuất 1.000 kg để sản xuất Thép cán xây dựng.

☞ Ta có đơn giá bình quân của Thép thỏi

$$\text{ĐGBQ} = \frac{2.600 \times 10.860 + 3.000 \times 10.900 + 1.000 \times 10.910}{2.600 + 3.000 + 1.000}$$

$$\text{ĐGBQ} = 10.886 \text{ đồng/kg}$$

Trị giá nguyên vật liệu xuất kho:

- Ngày 01/12: $2.500 \times 10.886 = 27.215.000$ đồng
- Ngày 21/12: $2.600 \times 10.886 = 28.303.600$ đồng
- Ngày 28/12: $1.000 \times 10.886 = 10.886.000$ đồng

2.2.4 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty

Tất cả mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty liên quan đến việc nhập xuất vật liệu đều phải lập các chứng từ kế toán đầy đủ, kịp thời, chính xác theo đúng chế độ ghi chép về vật liệu được nhà nước ban hành, đồng thời đảm bảo được những thủ tục đã được quy định.

2.2.4.1 Chứng từ và thủ tục nhập kho

Chứng từ và tài liệu liên quan

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01-VT)
- Biên bản kiểm nghiệm Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu số 03-VT)

Khi nguyên vật liệu về đến công ty, phòng KCS sẽ kiểm tra tính hợp lệ, hợp lý của các hoá đơn và đối chiếu với hợp đồng đã ký với nhà cung cấp, kiểm tra trực tiếp số lượng, chất lượng của các lô hàng. Sau đó sẽ tiến hành thủ tục nhập kho (thủ kho có trách nhiệm tổ chức bốc xếp nguyên vật liệu vào kho sao cho khoa học hợp lý để đảm bảo yêu cầu quản lý chặt chẽ vật liệu, thuận tiện cho công tác nhập xuất nguyên vật liệu).

Biên bản kiểm nghiệm vật tư: Biên bản này dùng để xác định số lượng, quy cách, chất lượng vật tư, sản phẩm, hàng hoá trước khi nhập kho, làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản. Biên bản kiểm nghiệm được lập thành 2 bản. 1 giao cho bộ phận cung tiêu, 1 giao cho phòng kế toán. Trong trường hợp vật tư, sản phẩm, hàng hoá không đúng số lượng, quy cách, phẩm chất so với hoá đơn, doanh nghiệp lập thêm 1 liên, kèm theo chứng từ liên quan gửi cho bên cung cấp vật tư, hàng hoá để giải quyết.

Phiếu nhập kho được lập sau khi có đủ chữ ký của các bộ phận có liên quan gồm: Người lập phiếu, người giao hàng, thủ kho, kế toán trưởng. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên, đặt lên giấy than viết một lần:

- 1 liên giao cho người giao hàng
- 1 liên giao cho thủ kho làm căn cứ ghi sổ
- 1 liên chuyển lên cho phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ

Ví dụ 3: Tiếp ví dụ 1

- Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0090581(***Biểu số 2.2***), phòng KCS lập biên bản kiểm nghiệm vật tư (***Biểu số 2.3***).
- Sau khi kiểm nghiệm xong, Thủ kho làm thủ tục nhập kho Phiếu nhập kho (***Biểu số 2.4***)

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 0090581

HOÁ ĐƠN			Mẫu số:01 GTKT -3LL																
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			RN/2010B																
Liên 2: Giao cho khách hàng			0090581																
Ngày 02 tháng 12 năm 2010																			
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh Kim Khí																			
Địa chỉ: Số 06 Nguyễn Trãi - Ngô Quyền - Hải Phòng																			
Số tài khoản:																			
Điện thoại:..... MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	4	1	2	6	8	1				
0	2	0	0	4	1	2	6	8	1										
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Hồng Trường																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải																			
Địa chỉ: Số 133, đường 5 cũ, Hồng Bàng, Hải Phòng.....																			
Số tài khoản:																			
Hình thức thanh toán:chưa thanh toán.....																			
MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	5	9	6	7	3	5				
0	2	0	0	5	9	6	7	3	5										
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3														
1	Thép thời 5SP/PS120x120x12.000 mm	Kg	3.000	10.900	32.700.000														
Cộng tiền hàng:					32.700.000														
Thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			3.270.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					35.970.000														
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi năm triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn./																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															

Biểu số 2.3: *Biên bản kiểm nghiệm vật tư*

Đơn vị: Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải
Địa chỉ: Phòng KCS

Mẫu số 03-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

Biên bản kiểm nghiệm

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Số :1266

- Căn cứ hoá đơn GTGT số 0090581 ngày 02 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần sản xuất và kinh doanh Kim Khí.

- Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông Nguyễn Hồng Trường – Trưởng phòng kinh doanh – Trưởng ban

+ Ông Ngô Văn Hùng – Phòng KCS – Ủy viên

+ Bà Đinh Thị Mai – Phòng KCS – Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

S T T	Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
1	Thép thỏi 5SP/PS120x120x1 2.000 mm		Cân	Kg	3.000	3.000	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Số vật tư trên đúng quy cách, chất lượng, số lượng đúng theo hoá đơn, có đủ điều kiện làm thủ tục nhập kho.

Đại diện kỹ thuật
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.4: Phiếu nhập kho số 116

Công ty Cơ khí Duyên Hải
Đc: số 133, đường 5 cũ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: 01-VT
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày: 02/12/2010

Số phiếu: 116

TK nợ: 1521

TK có: 331

Họ và tên người giao hàng: Nguyễn Trường Thành.

Theo hoá đơn số 0090581 ngày 02 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần sản xuất và kinh doanh Kim Khí.

Nhập tại kho: Kho vật tư.

ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất	ĐV T	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực nhập		
A	C	D	1	2	3	4=1x2
1	Thép thỏi 5SP/PS120x120x12.000mm	Kg	3.000	3.000	10.900	32.700.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi hai triệu bảy trăm ngàn đồng chẵn./

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 HĐGTGT

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ví dụ 4: Theo hoá đơn 0090590 ngày 10/12/2010 mua 1.000 kg Thép lá inox0.5ly của Công ty TNHH Hùng Trường, đơn giá 4.600 đồng/kg, thuế suất 10%, đã trả bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0090596 (***Biểu số 2.5***), phòng KCS lập biên bản kiểm nghiệm vật tư (***Biểu số 2.6***).

Sau khi kiểm nghiệm xong, Phòng kế toán lập Phiếu chi (***Biểu số 2.7***)

Thủ kho làm thủ tục nhập kho Phiếu nhập kho (***Biểu số 2.8***).

Biểu số 2.5: Hoá đơn GTGT số 0090596

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT -3LL																
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			RN/2010B																
Liên 2: Giao cho khách hàng			0090596																
Ngày 10 tháng 12 năm 2010																			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hùng Trường																			
Địa chỉ: Số 08 Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng																			
Số tài khoản:																			
Điện thoại:..... MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	3	1	2	5	6	1				
0	2	0	0	3	1	2	5	6	1										
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Hồng Trường																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải																			
Địa chỉ: Số 133, đường 5 cũ, Hồng Bàng, Hải Phòng.....																			
Số tài khoản:																			
Hình thức thanh toán:..... Tiền mặt.....																			
MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	5	9	6	7	3	5				
0	2	0	0	5	9	6	7	3	5										
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3														
1	Thép lá inox 0.5 ly	Kg	1.000	4.600	4.600.000														
Cộng tiền hàng:					4.600.000														
Thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		460.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					5.060.000														
Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn./																			
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															

Biểu số 2.6: *Biên bản kiểm nghiệm vật tư*

Đơn vị: Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải
Địa chỉ: Phòng KCS

Mẫu số 03-VT
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

Biên bản kiểm nghiệm

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Số :1268

- Căn cứ hoá đơn GTGT số 0090596 ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Công ty TNHH Hùng Trường

- Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông Nguyễn Hồng Trường – Trưởng phòng kinh doanh – Trưởng ban

+ Ông Ngô Văn Hùng – Phòng KCS – Ủy viên

+ Bà Đinh Thị Mai – Phòng KCS – Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

S T T	Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
1	Thép lá inox 0.5 ly		Cân	Kg	1.000	1.000	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Số vật tư trên đúng quy cách, chất lượng, số lượng đúng theo hoá đơn, có đủ điều kiện làm thủ tục nhập kho.

Đại diện kỹ thuật
 (Ký, họ tên)

Thủ kho
 (Ký, họ tên)

Trưởng ban
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.7: Phiếu chi số 212

CÔNG TY CƠ KHÍ DUYÊN HẢI		Mẫu số: 02-TT		
Đc: số 133, đường 5 cũ, Hồng Bàng, Hải Phòng		Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC		
PHIẾU CHI		Nợ TK: 1521		
Ngày 10 tháng 12 năm 2010		Nợ TK: 133		
Số: PC 212		Có TK: 111		
Họ và tên người nhận tiền: Trần Thị Lan.				
Địa chỉ: Phòng Kế toán-Tài chính				
Lý do chi: Mua thép lá inox 0.5 ly theo HĐGTGT số 0090596 .				
Số tiền: 5.060.000				
Viết bằng chữ: <i>Năm triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn./</i>				
Kèm theo 02 chứng từ gốc.				
Ngày 10 tháng 12 năm 2010				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)

Biểu số 2.8: Phiếu nhập kho số 126

Công ty Cơ khí Duyên Hải
Đc: số 133, đường 5 cũ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: 01-VT
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày: 10/12/2010

Số phiếu: 126

TK nợ: 1521

TK có: 111

Họ và tên người giao hàng: Nguyễn Trường Thành.

Theo hoá đơn số 0090596 ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Công ty TNHH Hùng Trường

Nhập tại kho: Kho vật tư.

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực nhập		
A	C	D	1	2	3	4=1x2
1	Thép lá inox 0.5 ly	Kg	1.000	1.000	4.600	4.600.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bốn triệu năm trăm ngàn đồng chẵn./

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 HĐGTGT

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.4.2 Chứng từ và thủ tục xuất kho

Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải là một doanh nghiệp sản xuất nên việc xuất kho nguyên vật liệu chủ yếu phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm. Các chứng từ liên quan đến nghiệp vụ xuất cũng phải được phê chuẩn đầy đủ và hợp lệ. Các chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Phiếu đề nghị cấp vật tư
- Lệnh sản xuất

Dựa vào kế hoạch sản xuất của phân xưởng và các phòng ban. Căn cứ vào nhu cầu thực tế của bộ phận mình quản đốc phân xưởng lập “Phiếu đề nghị cấp vật tư”. Trên phiếu có sự xác nhận của phụ trách kỹ thuật thuộc phòng kỹ thuật. Phiếu đề nghị cấp vật tư được chuyển cho phòng cung ứng vật tư.

Bộ phận cung ứng vật tư xét thấy “Phiếu đề nghị cấp vật tư” là hợp lý sẽ viết “Phiếu xuất kho” cho người lĩnh vật tư xuống kho để nhận hàng. Sau khi xuất kho, thủ kho ghi vào cột số lượng thực xuất của từng thứ, ghi ngày tháng năm xuất kho và cùng người nhận hàng ký tên vào phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho lập thành ba liên:

- Liên 1: Lưu ở bộ phận lập phiếu.
- Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào Thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán nguyên vật liệu ghi vào sổ kế toán.
- Liên 3: Giao cho người lĩnh vật tư để theo dõi ở bộ phận sử dụng.

Ví dụ 5: Căn cứ vào Phiếu đề nghị cấp vật tư (***Biểu số 2.9***), Phòng cung ứng vật tư viết phiếu xuất kho (***Biểu số 2.10***)

Biểu số 2.9: *Phiếu đề nghị cấp vật tư*

PHIẾU ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ			
Ngày 01 tháng 12 năm 2010			
Số phiếu: 210			
Tên đơn vị lĩnh vật tư: Phân xưởng cán			
Lý do lĩnh: Sản xuất Thép cán xây dựng			
Lĩnh tại kho: Vật tư			
STT	Tên vật liệu	ĐVT	Số lượng
1	Thép thỏi 5SP/PS120x120x12.000 mm	Kg	2.500
2	Than đá	Kg	1.000
3	Que hàn	Kg	500
4	Vòng bi	Vòng	20
Phụ trách cung tiêu (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Người nhận (Ký, họ tên)	Phụ trách đơn vị (Ký, họ tên)

Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho

CÔNG TY CƠ KHÍ DUYÊN HẢI			Mẫu số: 02-VT			
			Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính			
PHIẾU XUẤT KHO			Số: 621			
Ngày 01 tháng 12 năm 2010			Số: 1521			
Số: 208						
Họ tên người nhận hàng: Trần Thị Hoa						
Bộ phận: Phân xưởng cán.						
Lý do xuất kho: Xuất để sản xuất Thép cán xây dựng						
Xuất tại : kho vật tư						
S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	1	2	3	4=1x2
1	Thép thỏi 5SP/PS120x120x12.000 mm	Kg	2.500	2.500		
2	Than đá	Kg	1.000	1.000		
3	Que hàn	Kg	500	500		
4	Vòng bi	Vòng	20	20		
Ngày 01 tháng 12 năm 2010						
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc		
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)		

Ví dụ 6: Căn cứ vào Phiếu đề nghị cấp vật tư (**Biểu 2.11**), Phòng cung ứng vật tư viết phiếu xuất kho (**Biểu 2.12**)

Biểu số 2.11: Phiếu đề nghị cấp vật tư

PHIẾU ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ			
Ngày 02 tháng 12 năm 2010			
Số phiếu: 215			
Tên đơn vị lĩnh vật tư: Phân xưởng cán			
Lý do lĩnh: Sản xuất Thép cán xây dựng			
Lĩnh tại kho: Vật tư			
STT	Tên vật liệu	ĐVT	Số lượng
1	Thép lá inox 0.5 ly	Kg	300
Phụ trách cung tiêu (Ký, họ tên)		Thủ kho (Ký, họ tên)	Người nhận (Ký, họ tên)
Phụ trách đơn vị (Ký, họ tên)			

Biểu số 2.12: *Phiếu xuất kho*

CÔNG TY CƠ KHÍ DUYÊN HẢI			Mẫu số: 02-VT			
			Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính			
PHIẾU XUẤT KHO					Số: 621	
Ngày 02 tháng 12 năm 2010					Có: 1521	
Số: 217						
Họ tên người nhận hàng: Trần Thị Hoa						
Bộ phận: Phân xưởng cán.						
Lý do xuất kho: Xuất để sản xuất Thép cán xây dựng						
Xuất tại : kho vật tư						
S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	1	2	3	4=1x2
1	Thép lá inox 0.5 ly	Kg	300	300		

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

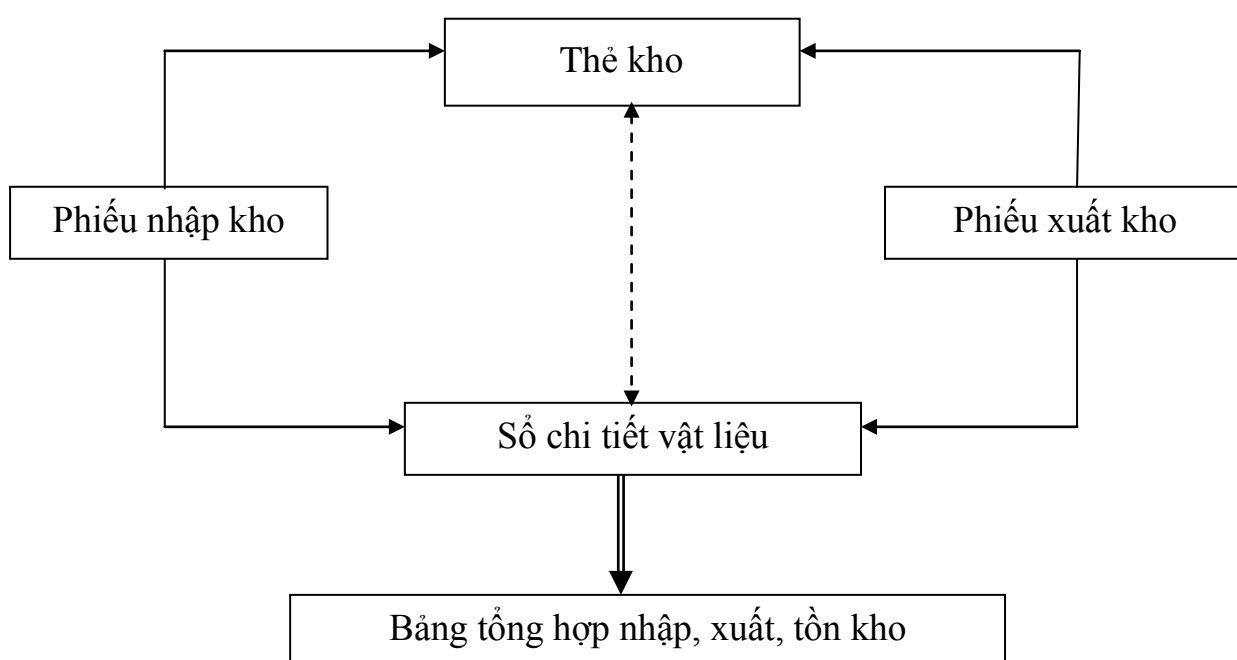
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

2.2.4.3 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty.

Một trong những yêu cầu của công tác quản lý vật liệu đòi hỏi phải phản ánh, theo dõi chặt chẽ tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu cả về số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị thông qua việc tổ chức công tác kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Nhằm tiến hành công tác ghi sổ (thẻ) kế toán đơn giản, rõ ràng, dễ kiểm tra, đối chiếu số liệu sai sót trong việc ghi chép và quản lý, Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải tổ chức công tác kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song. Việc áp dụng này ở công ty được tiến hành như sau:

Sơ đồ 2.4: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu

★ Ở kho:

Việc theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho do thủ kho tiến hành trên thẻ kho. Mỗi thẻ kho theo dõi một loại nguyên vật liệu và được mở từng tháng. Đầu tháng, thủ kho ghi số lượng tồn đầu kỳ căn cứ vào lượng tồn cuối tháng trước. Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất, tồn kho được tập hợp cho từng loại vật liệu thủ kho sẽ tiến hành ghi và thẻ kho về mặt lượng, mỗi nghiệp vụ ghi một dòng trên

thẻ kho, cuối ngày tính ra lượng tồn kho trong ngày. Cuối tháng, thủ kho cộng tổng số lượng nhập, xuất, tồn trong tháng của từng thứ nguyên vật liệu để đối chiếu với sổ kế toán chi tiết vật liệu do kế toán vật tư lập.

★ Ở phòng kế toán:

Hàng ngày, sau khi nhận được chứng từ do thủ kho chuyển đến, kế toán kiểm tra lại chứng từ, xác định giá trị và hoàn chỉnh chứng từ. Kế toán sử dụng các sổ chi tiết vật liệu để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu theo cả chỉ tiêu số lượng và giá trị, mỗi chứng từ được ghi một dòng.

Cuối tháng, căn cứ vào các sổ chi tiết vật liệu để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn vật liệu và tiến hành so sánh số liệu giữa sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho của thủ kho, với số liệu kiểm kê thực tế.

Ví dụ 7: Tiếp ví dụ 3, ví dụ 5

- Căn cứ vào PN116, PX208 thủ kho ghi thẻ kho (**Biểu số 2.13**)
- Căn cứ vào PN116, PX208 kế toán vật liệu ghi sổ chi tiết vật liệu Thép thỏi (**Biểu số 2.15**)

Ví dụ 8: Tiếp ví dụ 4, ví dụ 6

- Căn cứ vào PN 126, PX 217 thủ kho ghi thẻ kho (**Biểu số 2.14**)
- Căn cứ vào PN 126, PX 217 kế toán vật liệu ghi sổ chi tiết vật liệu Thép lá inox 0.5 ly (**Biểu số 2.16**)

☞ Cuối tháng, từ sổ chi tiết vào bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn (**Biểu số 2.17**)

Biểu số 2.13: Thẻ kho Thép thỏi

Công ty Cơ khí Duyên Hải

Đc: số 133, đường 5 cũ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S12-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THẺ KHO

Tháng 12 năm 2010

Tờ số 58

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Thép thỏi 5SP/PS120x120x12.000 mm

Đơn vị tính: Kg

Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn đầu tháng				<u>2.600</u>	
			Số phát sinh tháng 12					
01/12		PX208	Xuất kho vật liệu	01/12		2.500	100	
02/12	PN116		Nhập kho vật liệu	02/12	3.000		3.100	
10/12	PN124		Nhập kho vật liệu	10/12	1.000		4.100	
21/12		PX215	Xuất kho vật liệu	21/12		2.600	1.500	
28/12		PX221	Xuất kho vật liệu	28/12		1.000	500	
			Cộng phát sinh tháng 12		4.000	6.100		
			Số dư cuối kỳ				<u>500</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.14: Thẻ kho Thép lá inox 0.5 ly

Công ty Cơ khí Duyên Hải

Đc: số 133, đường 5 cũ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S12-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THẺ KHO

Tháng 12 năm 2010

Tờ số 51

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Thép lá inox 0.5 ly

Đơn vị tính: Kg

Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn đầu tháng				<u>800</u>	
			Số phát sinh tháng 12					
02/12		PX217	Xuất kho vật liệu	02/12		300	500	
10/12	PN126		Nhập kho vật liệu	10/12	1.000		1.500	
23/12		PX224	Xuất kho vật liệu	23/12		400	1.100	
27/12		PX229	Xuất kho vật liệu	27/12		200	900	
			Cộng phát sinh tháng 12		1.000	900		
			Số dư cuối kỳ				<u>900</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.15: Sổ chi tiết Thép thỏi

Công ty Cơ khí Duyên Hải

Đc: số 133, đường 5 cũ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S10-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản 1521

Tên quy cách vật liệu: Thép thỏi 5SP/PS120x120x12.000 mm

Đơn vị tính Kg

Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	ĐƠN GIÁ	NHẬP		XUẤT		TỒN	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Tồn đầu tháng		10.860					2.600	28.236.000
		Phát sinh tháng 12								
PX208	01/12	Xuất kho vật liệu sx Thép cán xây dựng	6211	10.866			2.500	27.165.000	100	1.071.000
PN116	02/12	Mua vật liệu chưa thanh toán	331	10.900	3.000	32.700.000			3.100	33.771.000
PN124	10/12	Mua vật liệu trả bằng TM	111	10.910	1.000	10.910.000			4.100	44.681.000
PX215	21/12	Xuất kho vật liệu sx Thép cán xây dựng	6211	10.866			2.600	28.251.600	1.500	16.429.400
PX221	28/12	Xuất kho vật liệu sx hộp số	6212	10.866			1.000	10.866.000	500	5.563.400
		Cộng phát sinh T12		x	4.000	43.610.000	6.100	66.282.600		
		Tồn cuối tháng							500	5.563.400

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.16: Sổ chi tiết Thép lá inox 0.5 ly

Công ty Cơ khí Duyên Hải

Đc: số 133, đường 5 cũ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S10-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản 1521

Tên quy cách vật liệu: Thép lá inox 0.5 ly

Đơn vị tính Kg

Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	ĐƠN GIÁ	NHẬP		XUẤT		TỒN	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Tồn đầu tháng		4.550					800	3.640.000
		Phát sinh tháng 12								
<i>PX217</i>	<i>02/12</i>	<i>Xuất vật liệu sx hộp số</i>	<i>6212</i>	<i>4.578</i>			<i>300</i>	<i>1.373.400</i>	<i>500</i>	<i>2.266.600</i>
<i>PN126</i>	<i>10/12</i>	<i>Mua vật liệu trả bằng TM</i>	<i>111</i>	<i>4.600</i>	<i>1.000</i>	<i>4.600.000</i>			<i>1.500</i>	<i>6.866.600</i>
PX224	23/12	Xuất vật liệu sx Phụ tùng công nghiệp	6213	4.578			400	1.831.200	1.100	5.035.400
PX229	27/12	Xuất vật liệu sx hộp số	6212	4.578			200	915.600	900	4.119.800
		Cộng phát sinh T12		x	1.000	4.600.000	900	4.120.200		
		Tồn cuối tháng							900	4.119.800

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17: Trích sổ tổng hợp chi tiết vật liệu tháng 12 năm 2010

Công ty Cơ khí Duyên Hải

Đc: số 133, đường 5 cũ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S10-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tài khoản: 152

Tháng 12 năm 2010

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Tồn đầu tháng		Nhập trong tháng		Xuất trong tháng		Tồn cuối tháng	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
I	Nguyên vật liệu chính			379.590.263		4.896.369.000		4.963.503.760		312.455.503
1	Thép thỏi 5SP/PS120x120x12.000 mm	Kg	2.600	28.236.000	4.000	43.610.000	6.100	66.282.600	500	5.563.400
2	Thép lá inox 0.5 ly	Kg	800	3.640.000	1.000	4.600.000	900	4.120.200	900	4.119.800
3	Gang thỏi	Kg	3.600	10.800.000	8.000	21.680.000	10.900	30.520.000	700	1.708.000
4	Thép góc L50x50x6	Kg	900	8.820.000	15.000	150.000.000	12.000	119.868.000	3.900	38.952.000

II	Nguyên vật liệu phụ			19.369.694		469.269.306		458.369.590		30.269.410
1	Sơn xanh	Kg	500	6.000.000	100	1.150.000	400	4.766.800	200	2.383.200
2	Que hàn	Kg	360	4.860.000	200	2.720.000	300	4.060.800	260	3.519.200

	Cộng			573.826.445		6.564.680.407		6.717.562.656		420.944.196

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.5 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán. Để phục vụ cho công tác hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Theo phương pháp này, tình hình biến động nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu tại công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên liên tục. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu của công ty trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

⊗ Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

⊗ Tài khoản sử dụng:

- TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu.
 - 1521: Nguyên vật liệu chính
 - 1522: Nguyên vật liệu phụ
 - 1523: Nhiên liệu
 - 1524: Phụ tùng thay thế
 - 1528: Vật liệu khác
- TK liên quan: TK 111, TK 331, TK 133, TK 621

⊗ Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết: Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán
- Sổ tổng hợp: Sổ nhật ký chung, Sổ cái, Bảng tổng hợp thanh toán người mua, người bán

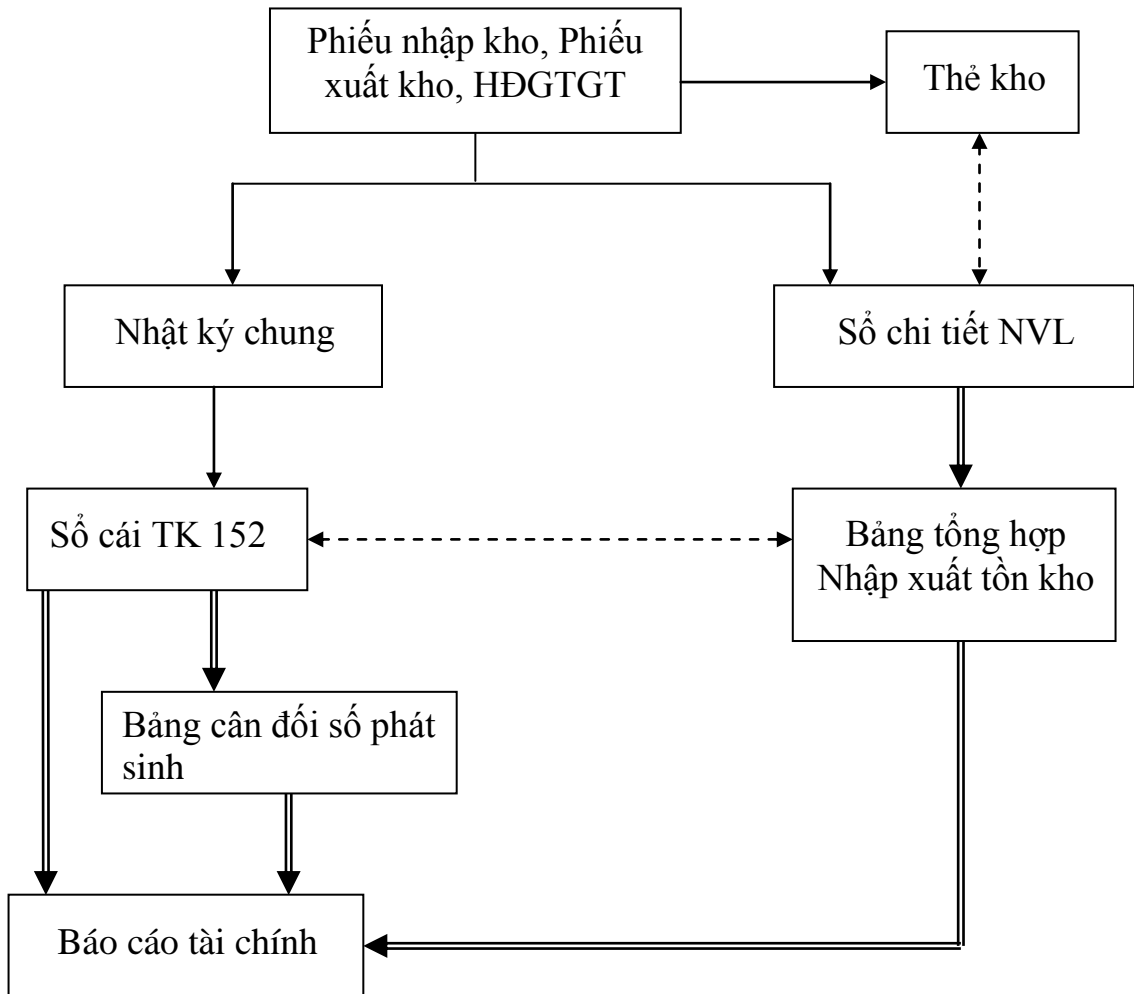
⊗ Quy trình hạch toán:

Ở phòng kế toán, hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra: Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Hoá đơn GTGT, kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung, đồng thời mở sổ chi tiết từng đối tượng

Từ sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái tài khoản có liên quan.

Cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết kế toán tiến hành lập Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày:
- Quan hệ đối chiếu hoặc kiểm tra:
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:

Ví dụ 9: Tiếp các ví dụ trên

Hàng ngày

Từ PX208, PX217, HĐGTGT0090581, PC212 kế toán vào sổ nhật ký chung (Biểu 2.18) đồng thời vào sổ chi tiết thanh toán với người bán TK331 (Biểu 2.23)

Từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK152 (Biểu số 2.19)

TK621 (Biểu 2.20)

TK111 (Biểu 2.21)

TK331 (Biểu 2.22)

Cuối tháng

Từ sổ chi tiết thanh toán với người bán kế toán vào Bảng tổng hợp thanh toán với người bán (Biểu 2.24)

Biểu số 2.18: Trích sổ nhật ký chung tháng 12 năm 2010

Công ty Cơ khí Duyên Hải
Đc: số 133, đường 5 cũ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Sổ nhật ký chung
Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
01/12	PX208	01/12	Xuất kho vật liệu sx Thép cán xây dựng	6211 1521	27.165.000	27.165.000
02/12	HĐGTGT 0090581	02/12	Mua vật liệu chưa thanh toán theo HĐGTGT 0090581	1521 133 331	32.700.000 3.270.000	35.970.000
02/12	PX217	02/12	Xuất vật liệu sx hộp số	6212 1521	1.373.400	1.373.400
03/12	PC211	03/12	Tạm ứng tiền mua bàn ghế.	141 111	6.000.000	6.000.000
06/12	PT218	06/12	Công ty TNHH Trường Giang trả nợ.	111 131	12.000.000	12.000.000
06/12	GBN1246	06/12	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	111 112	30.000.000	30.000.000
10/12	PC 212	10/12	Mua vật liệu trả bằng TM theo HĐGTGT 0090596	1521 133 111	4.600.000 460.000	5.060.000
....
Cộng phát sinh					124.987.523.796	124.987.523.796

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19: Trích sổ cái TK 152

Công ty Cơ khí Duyên Hải
Đc: số 133, đường 5 cũ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng			<u>573.826.445</u>
PX208	01/12	Xuất kho vật liệu sx Thép cán xây dựng	6211		27.165.000
HĐGTGT 0090581	02/12	Mua vật liệu của cty cổ phần sản xuất và kinh doanh Kim Khí	331	32.700.000	
PX217	02/12	Xuất vật liệu sx hộp số	6212		1.373.400
HĐGTGT 0090586	03/12	Mua vòng bi của cty CP Kim Khí Trung Tấn	331	5.180.000	
HĐGTGT 0090595	06/12	Mua xăng của công ty TNHH Phương Lan	331	63.000.000	
PX218	07/12	Xuất vòng bi cho phân xưởng đúc	621		23.000.000
PX219	07/12	Xuất dây emay cho phân xưởng kết cấu	621		25.000.000
PC 212	10/12	Mua vật liệu trả bằng TM cty TNHH Hùng Trường	111	4.600.000	
			
		Cộng phát sinh		6.564.680.407	6.717.562.656
		Số dư cuối tháng			<u>420.944.196</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.20: Trích sổ cái TK 621

Công ty Cơ khí Duyên Hải
Đc: số 133, đường 5 cũ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
PX208	01/12	<i>Xuất kho vật liệu sx Thép cán xây dựng</i>	1521	27.165.000	
PX217	02/12	<i>Xuất vật liệu sx hộp số</i>	1521	1.373.400	
PX218	07/12	Xuất vòng bi cho phân xưởng đúc	1521	23.000.000	
PX219	07/12	Xuất dây emay cho phân xưởng kết cấu	1522	25.000.000	
PX220	09/12	Xuất phôi thép để sản xuất cán xây dựng	1521	35.690.369.600	
PX221	09/12	Xuất thép tròn sản xuất hộp số	1521	183.078.000	
PX222	10/12	Xuất sơn chống rỉ để sản xuất hộp số	1522	7.5000.000	
PX223	10/12	Xuất Que hàn inox d3.2 để sản xuất hộp số	1522	7.000.000	
	
	31/12	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu tháng 12	154		6.717.562.656
		Cộng phát sinh		6.717.562.656	6.717.562.656
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21: Trích sổ cái TK 111

Công ty Cơ khí Duyên Hải
Đc: số 133, đường 5 cũ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Tiền mặt
Số hiệu: **111**
Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng		<u>6.500.000</u>	
PC210	01/12	Mua máy điều hòa LG theo HĐGTGT số 0090590	211 133		16.550.000 1.655.000
PT217	02/12	Thanh lý máy điều hoà cũ	711 3331	1.000.000 100.000	
PC211	03/12	Tạm ứng tiền mua máy tính	141		20.000.000
PT218	06/12	Công ty TNHH Trường Giang trả nợ.	131	12.000.000	
GBN 1246	06/12	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	112	60.000.000	
PC212	10/12	Mua vật liệu trả bằng TM theo HĐGTGT 0090596	1521 133		4.600.000 460.000
PC213	13/12	Xuất quỹ TM đi ký quỹ	144		15.000.000
PC214	13/12	Trả nợ cty TNHH Tùng Khánh	331		19.000.000
PT219	14/12	Bán hàng cho cty TNHH Trường Giang	511 3331	18.000.000 1.800.000	
.....
		Cộng số phát sinh		1.150.900.000	1.151.000.000
		Số dư cuối kỳ		<u>6.400.000</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.22: Trích sổ cái TK 331

Công ty Cơ khí Duyên Hải
Đc: số 133, đường 5 cũ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			<u>808.069.000</u>
<i>HĐGTGT 0090581</i>	<i>02/12</i>	<i>Mua vật liệu của cty cổ phần sx và kd Kim Khí</i>	<i>1521 133</i>		<i>32.700.000 3.270.000</i>
HĐGTGT 0090590	03/12	Mua dây thép của cty TNHH Minh Tùng	1521 133		35.000.000 3.500.000
HĐGTGT 0090591	03/12	Mua thép thỏi của cty TNHH Phát Đạt	1521 133		65.000.000 6.500.000
HĐGTGT 0090596	07/12	MuaThép lá inox 0.5 ly của công ty CP Kim khí Trung Tấn	1521 133		5.180.000 518.000
PC214	13/12	Trả nợ cty TNHH Tùng Khánh	111	18.500.000	
				
		Cộng số phát sinh		8.310.836.000	8.392.960.000
		Số dư cuối kỳ			<u>890.193.000</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.23: Trích sổ chi tiết TK 331-Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh kim khí

Công ty Cơ khí Duyên Hải
Đc: số 133, đường 5 cũ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S31-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng
BTC

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN
Đối tượng: Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh kim khí
Tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu tháng					
HĐGTGT 0090581	02/12	Mua NVL chưa thanh toán	1521		32.700.000		32.700.000
		Thuế VAT tương ứng	133		3.270.000		35.970.000
HĐGTGT 0090621	20/12	Mua NVL chưa thanh toán	1521		30.000.000		65.970.000
		Thuế VAT tương ứng	133		3.000.000		68.970.000
HĐGTGT 0090625	28/12	Mua NVL chưa thanh toán	1521		25.000.000		93.970.000
		Thuế VAT tương ứng	133		2.500.000		96.470.000
PC235	31/12	Trả tiền người bán		30.000.000			66.470.000
		Cộng phát sinh T12		30.000.000	96.470.000		
		Số dư cuối tháng					66.470.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.24: *Trích bảng tổng hợp thanh toán với người bán*

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Số hiệu: 331

Tháng 12 năm 2010

STT	Tên người bán	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	<i>Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh kim khí</i>			30.000.000	96.470.000		66.470.000
2	Công ty TNHH Trường Giang		33.000.000		25.000.000		58.000.000
3	Công ty TNHH Minh Tùng				25.000.000		25.000.000
4	Công ty TNHH Tùng Khánh		25.615.900		98.000.000		123.615.900
5	Công ty TNHH Hùng Trường		2.200.000		105.000.000		107.200.000
6	Công ty TNHH Phát Đạt		26.000.000		15.000.000		41.000.000
7	Công ty TNHH Đức Thịnh				113.600.000		113.600.000
						
	Cộng		808.069.000	8.310.836.000	8.392.960.000		890.193.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.3 Công tác kiểm kê nguyên vật liệu

Cũng như các doanh nghiệp khác, theo quy định của Nhà nước mỗi năm công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Cơ khí Duyên Hải tiến hành kiểm kê hàng tồn kho, và các tài sản khác một lần vào cuối năm.

Mục đích của việc kiểm kê vật liệu, là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng của vật tư trong kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách với thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý vật tư ở công ty. Trước mỗi lần kiểm kê, được sự thông báo của hội đồng kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để tạo điều kiện cho kiểm kê. Đồng thời, ở phòng kế toán, các sổ kế toán về vật tư đều được khoá sổ sau khi kế toán tính ra giá trị tồn kho của vật tư.

Thông qua việc cân, đo, đong, đếm ... Hội đồng kiểm kê phát hiện kết quả kiểm kê trên Biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào biên bản kiểm kê này, giám đốc công ty cùng với hội đồng kiểm kê sẽ có những quyết định xử lý thích hợp như: thanh lý, nhượng bán, quyết định đòi bồi thường nếu cá nhân làm mất hoặc hỏng... Căn cứ vào các biên bản xử lý kết quả kiểm kê kế toán tiến hành ghi sổ.

Nhìn chung công tác quản lý vật tư của công ty là khá tốt nên không có trường hợp mất mát, chỉ có một vài trường hợp thiếu, bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan.

Ví dụ 10: Theo kết quả kiểm kê nguyên vật liệu ngày 31/12/2010. Hội đồng kiểm kê lập Biên bản kiểm kê vật liệu (***Biểu số 2.25***)

Biểu số 2.25: Trích Biên bản kiểm kê nguyên vật liệu năm 2010

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ
NĂM 2010**

Thời điểm kiểm kê: 9h00 ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ban kiểm kê gồm:

- | | | |
|-----------------------|-------------------------|--------------------|
| - Ông: Ngô Văn Hùng | Chức vụ: Phòng KCS | Trưởng ban kiểm kê |
| - Bà: Lê Thị Mai | Chức vụ: Thủ kho | Ủy viên |
| - Bà: Nguyễn Thị Thuỷ | Chức vụ: Kế toán vật tư | Ủy viên |

Đã kiểm kê kho có những mặt hàng sau:

ST T	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Sổ sách		Thực tế		Chênh lệch				Chất lượng		
			SL	T.Tiền	SL	T.Tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
							SL	T.Tiền	SL	T.Tiền			
1	Thép thỏi	Kg	500		500		-		-		X		
2	Thép lá inox 0.5 ly	Kg	900		900		-		-		X		
3	Gang thỏi	Kg	700		700		-		-		X		
												

Kết luận của ban kiểm kê: Tất cả vật liệu còn tốt 100%, không chênh lệch giữa sổ sách và kết quả kiểm kê.

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH NN MTV CƠ KHÍ DUYÊN HẢI

3.1 Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty

Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Duyên Hải là một trong những doanh nghiệp Nhà nước có quá trình phát triển gắn liền với tiến trình phát triển kinh tế của đất nước. Công ty đã gặp rất nhiều khó khăn trước sự chuyển đổi của nền kinh tế từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, Công ty đã thích ứng với cơ chế mới, nhanh chóng phục hồi sản xuất, từng bước chiếm lĩnh thị trường trong nước và trở thành một trong số những công ty vững mạnh của ngành cơ khí Việt Nam. Để có được thành công đó Công ty đã phải nỗ lực vượt bậc trong tất cả các khâu và đặc biệt quan trọng đó là sự góp phần của công tác kế toán.

Trước sự hội nhập kinh tế Quốc tế đòi hỏi Công ty phải ngày càng hoàn thiện hơn nữa, khắc phục dần những hạn chế còn tồn tại

3.1.1 Những ưu điểm và kết quả đạt được

❖ Về bộ máy kế toán

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh của Công ty, bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung, toàn bộ công tác kế toán được tập trung tại phòng tài chính kế toán. Việc vận dụng hình thức này có ưu điểm là đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, đảm bảo chức năng cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho hoạt động doanh nghiệp. Hơn nữa, đội ngũ nhân viên của phòng kế toán đều là những người có năng lực, có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, tinh thần trách nhiệm cao. Mỗi nhân viên kế toán phụ trách một số phần hành công việc khác nhau, tạo điều kiện cho việc đi sâu tìm hiểu công việc được giao và nâng cao nghiệp vụ, phát huy hết khả năng của mình. Điều đó đảm bảo nguyên tắc hiệu quả, tiết kiệm và hợp tác hoá trong lao động.

❖ Về hình thức kế toán, chứng từ, sổ sách:

Hình thức kế toán Công ty áp dụng hình thức “Nhật ký chung”. Đây là hình thức đơn giản, phù hợp với yêu cầu quản lý cũng như đặc điểm hoạt động của Công ty. Hình thức này có ưu điểm là ghi chép rõ ràng, chi tiết, dễ xem, dễ kiểm tra, dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi trong việc lập Báo cáo tài chính.

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, đây là phương pháp đang được sử dụng phổ biến ở nước ta.

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với nghiệp vụ kinh tế phát sinh đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo thông tin nhanh nhạy, hiệu quả.

Công ty thực hiện việc lập Báo cáo kết quả kinh doanh theo quý, hàng tháng công ty vẫn lập báo cáo quản trị gửi lên ban lãnh đạo công ty để kịp thời theo dõi, đánh giá và có những biện pháp hữu hiệu nhất để có thể tăng doanh thu trong năm tới. Đây là việc làm tốt công ty cần phát huy thường xuyên.

❖ Về công tác kế toán nguyên vật liệu:

Góp phần làm nên vị trí quan trọng của phòng Kế toán – Tài chính hôm nay phải kể đến bộ phận kế toán nguyên vật liệu đã phản ánh chặt chẽ, toàn diện tài sản, tiền vốn của công ty, cung cấp thông tin một cách chính xác và kịp thời, phục vụ tốt cho công tác quản lý, phân tích lập kế hoạch và công tác lãnh đạo. Công ty đã xây dựng được định mức sản xuất cho từng loại nguyên vật liệu nên đảm bảo cho việc tập hợp chi phí và tính giá thành. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp sản xuất. Phương pháp hạch toán này đã giúp công ty quản lý, theo dõi kiểm tra nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ chính xác, kịp thời hơn. Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song. Với phương pháp này giúp cho phòng kế toán có thể theo dõi chặt chẽ từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đồng thời việc kiểm tra, đối chiếu sổ các chứng từ cũng đơn giản. Các thẻ kho, sổ chi tiết và các loại sổ sách chi tiết khác có liên quan của phương pháp này được công ty mở và ghi chép đúng mẫu, kịp thời và đầy đủ.

❖ Về công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu:

Để tồn tại và phát triển ổn định công ty coi công tác quản lý là nhiệm vụ quán triệt hàng đầu, đặc biệt chú trọng công tác quản lý, hạch toán hàng tồn kho.

▪ **Công tác thu mua:** Phòng sản xuất kinh doanh và phòng vật tư luôn kết hợp chặt chẽ để đề ra kế hoạch thu mua hợp lý, không có tình trạng tồn đọng nguyên

vật liệu hay thiếu hụt nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi, hợp lý cho việc quản lý và luân chuyển chứng từ một cách thông suốt, hạn chế sai sót, tăng cường kiểm tra giám sát lẫn nhau giữa các bộ phận.

Mặt khác, Công ty đã thiết lập được mối quan hệ lâu năm với những đơn vị cung ứng vật tư nên giá cả tương đối ổn định. Từ đó tránh được tình trạng thiếu hụt, gián đoạn sản xuất. Đồng thời ban kiểm nghiệm của Công ty hoạt động rất hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, chủng loại vật liệu mua về. Kết hợp với hệ thống kho tàng của Công ty được trang bị khá đầy đủ về các phương tiện đo lường về mặt hiện vật, kích cỡ, quy cách. Nguyên vật liệu được sắp xếp khoa học, thuận tiện cho việc xuất nhập kho và kiểm tra. Công việc kế toán tại kho được thực hiện khá nghiêm túc và thường xuyên được kiểm tra đối chiếu với kế toán nguyên vật liệu tại Công ty.

▪ **Khâu sử dụng:** Phòng kỹ thuật phối hợp với phòng KCS để đề ra mức sử dụng vật liệu căn cứ vào tình hình sản xuất thực tế và các yêu cầu về vật liệu của từng loại sản phẩm hàng hoá, từng đơn đặt hàng. Vì vậy đã tiết kiệm đáng kể chi phí nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm.

Công tác xuất đảm bảo đủ giấy tờ, các phiếu, lệnh xuất. Trong khâu xuất kho, công ty đòi hỏi sự chi tiết, rõ ràng và hợp lý về bộ phận sử dụng và mục đích sử dụng nguyên vật liệu cũng như mối liên hệ thống nhất giữa bộ phận sử dụng, thủ kho, phòng kế toán thông qua phiếu yêu cầu xuất vật tư, phiếu xuất kho, thẻ kho...

Dưới đây là bảng định mức nguyên vật liệu cho 01 tấn Thép

Biểu số 3.1: Bảng định mức nguyên vật liệu**BẢNG ĐỊNH MỨC NGUYÊN VẬT LIỆU CHO 01 TẤN THÉP**

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Định mức
1	Thép thỏi	Kg	1.206
2	Gạch chịu lửa	Kg	3
3	Bột chịu lửa	Kg	1
4	Vòng bi	Vòng	0.02
5	Trục cán	Kg	1.5
6	Tấm kẹp	Kg	0.4
7	Đầu nối hoa mai	Kg	0.4
8	Phụ kiện cán	Kg	0.3
9	Than đá	Kg	170.15
10	Ôxy	Chai	0.59
11	Gas	Kg	0.47
12	Que hàn	Kg	0.06
13	Dầu DP14	Kg	2.45
14	Dầu điêzel	Kg	0.3
15	Dây thép buộc	Kg	1.1
16	Điện	Kw	90

3.1.2 Những khó khăn tồn tại

⊛ *Thứ nhất, về việc luân chuyển chứng từ:* việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, tuy nhiên, giữa các bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát chứng từ lại không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

⊛ *Thứ hai, công ty vẫn thực hiện thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu đối với nguyên vật liệu mua về không qua kho:* Việc hạch toán nguyên vật liệu đôi khi còn mang tính rườm rà như việc mua nguyên vật liệu về dùng ngay cho sản xuất, kế toán không hạch toán thẳng vào chi phí nguyên vật liệu mà tiến hành làm thủ tục nhập kho sau đó mới làm thủ tục xuất kho do đó phải mất nhiều công sức và thời gian cho công việc này.

☛ *Thứ ba, chưa lập sổ danh điểm vật tư để phục vụ cho việc quản lý vật tư:* do nguyên vật liệu trong công ty rất đa dạng phong phú nên công ty đã tiến hành phân loại nguyên vật liệu thành:

- Nguyên vật liệu chính
- Nhiên liệu
- Phụ tùng thay thế
- Nguyên vật liệu phụ
- Vật liệu khác

Mặc dù có sự phân loại này nhưng phòng kế toán không lập sổ danh điểm vật tư.

☛ *Thứ tư, về việc ứng dụng phần mềm kế toán:* Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy tính cho phòng kế toán nhưng chỉ giúp cho phần tính toán đơn thuần còn việc hạch toán chủ yếu vẫn thực hiện theo thao tác thủ công nên khối lượng công việc mà kế toán làm là rất vất vả, điều này sẽ ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện công việc.

☛ *Thứ năm, Công ty không lập Bảng phân bổ nguyên vật liệu:* Công ty nên lập Bảng phân bổ nguyên vật liệu để theo dõi chặt chẽ cả về số lượng và giá trị vật liệu sử dụng của từng loại, từng nhóm, từng thứ vật tư.

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải.

3.2.1 Nguyên tắc hoàn thiện

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty đặc biệt chú ý đến các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc nhất quán: Nguyên tắc này yêu cầu kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán.
- Nguyên tắc giá gốc: Quy định nguyên vật liệu phải tính theo giá gốc.
- Nguyên tắc thận trọng: Nguyên tắc này đòi hỏi muốn hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu cần cẩn trọng trong từng bước.

3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện

Hoàn thiện kế toán trong công ty là việc hết sức quan trọng và cần thiết để đảm bảo cho việc hoàn thiện mang tính khả thi, đáp ứng được các yêu cầu quản lý của công ty phải thực hiện được các yêu cầu sau:

- + Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu phải đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc kế toán chung

+ Phải đảm bảo tôn trọng cơ chế tài chính tuân thủ các chế độ chính sách, thể lệ kế toán do nhà nước ban hành với chế độ kế toán đặc thù của ngành sản xuất kinh doanh.

+ Đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy, phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được chất lượng cao nhất với chi phí thấp nhất.

+ Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản trị doanh nghiệp bởi vì mục tiêu của hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.

3.2.3 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu

Kế toán là bộ phận cấu thành của hệ thống quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời là công cụ đắc lực của Nhà nước trong việc chỉ đạo nền kinh tế quốc dân.

Với chức năng giám sát mọi hoạt động mọi kinh tế tài chính, kế toán căn cứ vào những thông tin hiện thực và toàn diện có hệ thống về tình hình tài sản, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của từng đơn vị, từng ngành và nền kinh tế quốc dân.

Qua nghiên cứu ở trên ta càng thấy rõ vai trò của kế toán đặc biệt là kế toán nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu là yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, các nghiệp vụ kế toán nguyên vật liệu là giai đoạn đầu của quá trình kế toán của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi cần phải hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu.

Hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng sẽ đảm bảo cho việc cung cấp kịp thời, đồng bộ, chính xác khối lượng định mức dự trữ tiêu hao nguyên vật liệu, ngăn ngừa các hiện trạng hư hao, mất, lãng phí trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất. Qua đó góp phần giảm bớt chi phí nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, hạ giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty để không ngừng hoàn thiện và phát huy vai trò của công tác kế toán vật liệu em xin mạnh dạn đề xuất một số ý kiến sau đây:

3.2.4 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty

❶ Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Ví dụ 11: Tiếp ví dụ 3

Căn cứ vào HDGTGT 0090581, Biên bản kiểm nghiệm vật tư 1266, Phiếu nhập kho 116 kế toán khi nhận được các chứng từ trên tiến hành ghi vào sổ giao nhận chứng từ theo mẫu sau:

Biểu số 3.2: Sổ giao nhận chứng từ

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tháng 12 năm 2010

Stt	Chứng từ		Nơi nhận chứng từ	Người nhận	Ký tên
	Số hiệu	Ngày tháng			
1	HDGTGT 0090581	02/12	Phòng kế toán	Nguyễn Thị Lan	Lan
2	Biên bản kiểm nghiệm vật tư 1266				
3	PNK 116				
4	HDGTGT 0090596	10/12	Phòng kế toán	Nguyễn Thị Lan	Lan
5	Biên bản kiểm nghiệm vật tư 1268				
6	PNK 126				
.

❷ Xây dựng hệ thống danh điểm vật liệu hoàn chỉnh và thống nhất

Đối với một Công ty mà sử dụng hàng ngàn loại vật liệu khác nhau, thì việc lập sổ danh điểm vật liệu thống nhất, hợp lý giữa kho và phòng kế toán (cũng như ở các phòng liên quan) là việc làm cần thiết. Có sổ danh điểm vật liệu sẽ giúp cho việc quản lý vật liệu được tốt, hạch toán kế toán sẽ chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vi tính hoá kế toán vật liệu, góp phần giảm bớt khối lượng công việc hạch toán kế toán, xử lý vật liệu nhanh chóng, cung cấp thông tin kịp thời phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

Việc lập sổ danh điểm vật liệu phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa phòng ban chức năng quản lý để đảm bảo tính khoa học, hợp lý phục vụ yêu cầu quản lý của Công ty, đặc biệt là thuận tiện cho việc sử dụng máy vi tính.

Muốn lập được sổ danh điểm vật liệu thì điều trước tiên phải làm tốt công tác phân loại vật liệu, không chỉ phân loại vật liệu mà phải phân ra chi tiết hơn trong từng loại đó.

Vật liệu được phân loại dựa trên vai trò, công dụng của từng vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh, những vật liệu nào có cùng vai trò, công dụng xếp vào cùng một loại như ở Công ty đã phân ra: Nguyên vật liệu chính, nhiên liệu, phụ tùng... Trong mỗi loại lại được căn cứ vào tính chất, đặc điểm của vật liệu để đưa vào thành các nhóm, trong các nhóm lại phân ra các thứ vật liệu. Mỗi loại vật liệu sẽ được theo dõi chi tiết trên sổ kế toán, trong đó lại theo dõi chi tiết theo từng thứ vật liệu đó

Ví dụ: Loại vật liệu chính như: Thép, inox, các loại động cơ...

Thép lại phân ra thành các nhóm: Thép thỏi, Thép tấm, Thép ống đúc, Thép góc, Thép tròn...

Thép thỏi lại có rất nhiều loại thỏi có kích thước khác nhau như thỏi 5SP/PS 120x120x12.000 mm, 5SP/PS140x140x14.000mm ...

Thép tấm lại phân thành các thứ: Tấm 2,5mx4,25m x 2,5m, Tấm 1,5m x 3,5m x 1,25m...

Thép ống đúc phân thành: Thép ống đúc F133 x 6 x 990, Thép ống đúc F219 x 7 x 4451, Thép ống đúc Φ 219 x 7 x 2100, Thép ống đúc Φ 63 x 3,5 x 1450...

Việc phân loại được thực hiện tốt sẽ lập được sổ danh điểm vật liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu

Ví dụ một sổ danh điểm nguyên vật liệu chính như sau:

Biểu số 3.4: *Sổ danh điểm nguyên vật liệu*

SỔ DANH ĐIỂM NGUYÊN VẬT LIỆU

TK 1521: Nguyên vật liệu chính

Ký hiệu		Tên NVL	Quy cách	ĐVT	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm				
15211		Thép		Kg	
	15211- A1	Thép thỏi	5SP/PS120x120x12.000 mm	Kg	
	15211- A11	Thép thỏi	5SP/PS140x140x14.000mm	Kg	
		...			
	15211- A2	Thép ống đúc		Kg	
	15211- A21	Thép ống đúc	F133 x 6 x 990	Kg	
	15211- A22	Thép ống đúc	F219 x 7 x 4451	Kg	
	15211- A23	Thép ống đúc	Φ219 x 7 x 2100	Kg	
		...			
15212		Vòng bi		Vòng	
	15212- A1	Vòng bi	Vòng bi 6208	Vòng	
	15212- A2	Vòng bi	Vòng bi 6314	Vòng	
		...			

Ví dụ 12: Trích bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu tháng 12/2010

Biểu số 3.5: Trích bảng tổng hợp chi tiết vật liệu

Công ty Cơ khí Duyên Hải

Đc: số 133, đường 5 cũ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S10-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tài khoản: 152

Tháng 12 năm 2010

STT	Số danh điểm	Đơn vị tính	Tồn đầu tháng		Nhập trong tháng		Xuất trong tháng		Tồn cuối tháng	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
I	1521			379.590.263		4.896.369.000		4.963.503.760		312.455.503
1	15211- A1	Kg	2.600	28.236.000	4.000	43.610.000	6.100	66.282.600	500	5.563.400
2	15211 - A32	Kg	800	3.640.000	1.000	4.600.000	900	4.120.200	900	4.119.800
3	15211-A4	Kg	3.600	10.800.000	8.000	21.680.000	10.900	30.520.000	700	1.708.000
4	1523-A5	Kg	900	8.820.000	15.000	150.000.000	12.000	119.868.000	3.900	38.952.000
	
II	1522			19.369.694		469.269.306		458.369.590		30.269.410
1	1522-A1	Kg	500	6.000.000	100	1.150.000	400	4.766.800	200	2.383.200
2	1522-A2	Kg	360	4.860.000	200	2.720.000	300	4.060.800	260	3.519.200
	
	Cộng			573.826.445		6.564.680.407		6.717.562.656		420.944.196

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

❸ Hoàn thiện thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu:

Khi công ty mua vật liệu ngoài thường có 2 trường hợp xảy ra:

- Trường hợp 1: Nguyên vật liệu mua về nếu dự trữ tại kho thì tiến hành thủ tục nhập kho, và sau đó theo yêu cầu xuất của sản xuất sẽ tiến hành xuất vật tư.

- Trường hợp 2: Do nhu cầu cần vật liệu ngay nên nguyên vật liệu mua về được chuyển thẳng tới bộ phận sản xuất. Trong trường hợp này, mặc dù không nhập kho nhưng kế toán vẫn tiến hành làm thủ tục nhập, xuất kho như trường hợp 1. Như vậy, việc thực hiện các thủ tục nhập xuất kho (trong khi không nhập, xuất kho) nhiều khi chỉ mang tính hình thức, làm như vậy sẽ hao phí về lao động kế toán thủ tục rườm rà. Trường hợp này công ty chỉ cần làm thủ tục kiểm nghiệm vật tư và làm biên bản giao nhận vật tư làm căn cứ hạch toán chi phí nguyên vật liệu không qua kho, vừa giảm bớt thủ tục ghi chép cho kế toán và thủ kho, vừa phản ánh kịp thời số liệu hạch toán hàng tồn kho. Lập biên bản giao nhận vật tư theo mẫu sau:

Biểu số 3.6: Biên bản giao nhận vật tư

BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ			
Ngày tháng ...năm ...			
Số...			
Chúng tôi gồm:			
- Ông (bà):.....Người cung ứng			
- Ông (bà):..... Người nhận			
Đã tiến hành bàn giao sử dụng vật tư sau đây			
STT	Quy cách, chủng loại vật tư	Đơn vị tính	Số lượng

Đại diện bên cung ứng
(Ký, họ tên)

Đại diện bên nhận
(Ký, họ tên)

Ví dụ 13: Ngày 16/12/2010 Công ty mua 1,000 kg Than đá, đơn giá 2,900 đồng/kg của Công ty TNHH Mạnh Tùng xuất thẳng cho phân xưởng cán.

Biểu số 3.7: Biên bản giao nhận vật tư số 98

BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ			
Ngày 16 tháng 12 năm 2010			
Số: 98			
Chúng tôi gồm:			
- Ông: Nguyễn Mạnh Tùng - Người cung ứng			
- Bà: Trần Thị Hương - Người nhận			
Đã tiến hành bàn giao sử dụng vật tư sau đây			
STT	Quy cách, chủng loại vật tư	Đơn vị tính	Số lượng
1	Than đá	Kg	1.000
Đại diện bên cung ứng (Ký, họ tên)		Đại diện bên nhận (Ký, họ tên)	

Biên bản trên được lập ngay tại chỗ, sau đó chuyển hoá đơn, biên bản lên phòng kế toán làm căn cứ pháp lý để ghi sổ kế toán.

④ Lập báo cáo vật tư còn lại cuối kỳ:

Ở công ty số lượng nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất vẫn còn tình trạng lượng tiêu hao thực tế ít hơn kế hoạch dẫn đến cuối kỳ vẫn còn vật tư ở trong kho chưa được sử dụng, vì vậy kế toán nên lập phiếu báo cáo vật tư còn lại cuối kỳ theo mẫu sau:

Biểu số 3.8: *Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ*

Đơn vị:	Mẫu số 04 – VT				
Địa chỉ:	(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)				
PHIẾU BÁO VẬT TƯ CÒN LẠI CUỐI KỲ					
<i>Ngày ... tháng năm...</i>					
<i>Số ...</i>					
Bộ phận sử dụng:					
STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng	Lý do
A	B	C	1	2	3
Phụ trách bộ phận sử dụng (Ký, họ tên)					

Phiếu này dùng để theo dõi số lượng vật tư còn lại cuối kỳ hạch toán của đơn vị, làm căn cứ tính giá thành sản phẩm và kiểm tra tình hình thực hiện định mức vật tư sử dụng. Số lượng vật tư còn lại cuối kỳ ở đơn vị sử dụng được phân thành 2 loại:

- Loại không dùng nữa: Lập phiếu nhập kho, và được nhập lại.
- Loại tiếp tục sử dụng: Lập phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ.

Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ do bộ phận sử dụng lập làm 2 bản, 1 bản giao cho phòng vật tư, bản còn lại giao cho phòng kế toán.

Ví dụ 14: Ngày 31/12/2010 qua kiểm kê ở phân xưởng cán Công ty thấy còn tồn kho một số nguyên vật liệu sau:

Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
Thép thỏi	Kg	500
Thép lá inox 0.5 ly	Kg	900
Gang thỏi	Kg	700

Biểu số 3.9: Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ số 12

Đơn vị: Công ty Cơ khí Duyên Hải	Mẫu số 04 – VT				
Địa chỉ: Số 133, đường 5 cũ, Hồng Bàng, Hải Phòng	(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)				
PHIẾU BÁO VẬT TƯ CÒN LẠI CUỐI KỲ					
Ngày 31 tháng 12 năm 2010					
Số 12					
Bộ phận sử dụng: Phân xưởng cán					
STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng	Lý do
A	B	C	1	2	3
1	Thép thỏi		Kg	500	Còn sử dụng
2	Thép lá inox 0.5 ly		Kg	900	Còn sử dụng
3	Gang thỏi		Kg	700	Còn sử dụng
Phụ trách bộ phận sử dụng (Ký, họ tên)					

⑤ Hoàn thiện lập bảng phân bổ nguyên vật liệu

Biểu số 3.10: *Bảng phân bổ nguyên vật liệu*

BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN VẬT LIỆU					
Tháng...năm...					
Số:...					
stt	Ghi Có các TK Đối tượng sử dụng	TK 152			Cộng có TK152
		1521	1522	
1	TK 621-Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp -Phân xưởng kết cấu -Phân xưởng cán				
2	TK 627-Chi phí sản xuất chung				
3	TK 641-Chi phí bán hàng				
4	TK642-Chi phí quản lý doanh nghiệp				
...	...				
	Cộng				

Ngày... tháng... năm

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Các cột dọc phản ánh các loại vật liệu trong tháng tính theo giá thực tế.

Hàng ngang phản ánh đối tượng sử dụng các loại vật tư theo từng khoản mục chi phí.

⑥ Áp dụng công nghệ thông tin vào tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng

Hoà nhập với sự phát triển của công nghệ khoa học kỹ thuật và xu hướng tiến bộ trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là hoàn toàn cần thiết. Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải đã ứng dụng tin học vào việc hạch toán kế toán nhưng chỉ là những tính toán đơn thuần, công ty nên áp dụng kế toán máy. Phần mềm kế toán có nhiều ưu việt:

- Thu thập, xử lý thông tin kế toán một cách nhanh chóng.
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kiểm soát các thông tin tài chính.

- Chọn lọc thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng.
- Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là liên tục, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng của các đối tượng khác nhau.

- Hơn nữa, việc sử dụng phần mềm kế toán có thể giúp giảm bớt nhân lực so với kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc.

Chính vì những ưu điểm của việc áp dụng phần mềm kế toán, theo em công ty nên lựa chọn một chương trình phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình, bên cạnh đó, công ty cần tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ kế toán sử dụng thành thạo linh hoạt phần mềm kế toán mà công ty áp dụng.

Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán tiện ích: MISA, ESFORT, EMASS, CADS, SASINNOVA, XBS-accounting online, FAST.

❷ Cần thiết phải có sự nghiên cứu, tìm hiểu thị trường:

Mặc dù nguyên vật liệu hiện nay không thiếu, thậm chí một số nguyên vật liệu rất dồi dào nhưng các nguyên vật liệu này xuất phát từ nhiều nguồn gốc khác nhau, chất lượng khác nhau. Vì vậy, việc thiết lập những nguồn cung ứng nguyên vật liệu lâu dài là rất quan trọng, điều này công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải đã và đang làm được. Tuy nhiên, bên cạnh những nhà cung cấp quen thuộc, công ty cần có kế hoạch thăm dò, tìm hiểu thị trường để tìm ra nguồn cung ứng tốt hơn, đem tới cơ hội tăng chiết khấu, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng có lợi cho doanh nghiệp.

Không những thế, tìm hiểu tốt thị trường còn giúp doanh nghiệp có những bước đi đúng đắn trong thu mua, dự trữ ở những thời điểm khác nhau, tránh tình trạng mua phải nguyên vật liệu với giá cao khi có sự khan hiếm hoặc thiếu nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

❸ Nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ, nhân viên Phòng kế toán.

Để nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài việc tìm kiếm, mở rộng thị trường, tận dụng các yếu tố khách quan thì Công ty cũng phải quan tâm tới vấn đề nhân sự.

Song song với việc quản lý tốt nhân sự thì Công ty cũng phải nên quan tâm tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên của mình được nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Riêng đối với nhân viên kế toán Công ty nên:

+ Tạo điều kiện cho họ học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Nhân viên kế toán cần tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ kinh nghiệm, hiểu biết.

+ Thường xuyên hướng dẫn, chỉ đạo nhân viên kế toán cập nhật và thực hành kế toán theo đúng chuẩn mực và thông tư, quy định do Nhà nước ban hành về những thay đổi trong hạch toán kế toán để phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

+ Thường xuyên động viên, khuyến khích các nhân viên tích cực và có trách nhiệm hơn với công việc của mình, có chế độ thưởng phạt phân minh.

❶ Hoàn thiện công tác phân tích tình hình cung cấp và sử dụng nguyên vật liệu tại Công ty.

Hiện nay, công tác phân tích tình hình cung ứng và sử dụng nguyên vật liệu tại Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải chưa được quan tâm và thực hiện. Đây cũng là một thiếu sót của doanh nghiệp mà doanh nghiệp cần phải thực hiện để có kế hoạch cho việc cung cấp vật liệu được kịp thời và đồng bộ sử dụng có hiệu quả. Phải thường xuyên và định kỳ phân tích tình hình cung ứng nguyên vật liệu để nêu lên những ưu nhược điểm trong công tác quản lý vật tư ở doanh nghiệp.

Do đó việc cung ứng nguyên vật liệu phải quán triệt các yêu cầu sau:

+ Đảm bảo sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tiến hành được liên tục, đều đặn theo đúng kế hoạch.

+ Thúc đẩy quá trình luân chuyển nhanh vật tư, sử dụng vốn hợp lý, có hiệu quả và tiết kiệm.

Để đáp ứng được yêu cầu trên, nhiệm vụ của phân tích tình hình cung ứng, sử dụng và dự trữ nguyên vật liệu đối chiếu với tình hình sản xuất, kinh doanh để kịp thời báo cáo cho bộ phận thu mua các biện pháp khắc phục kịp thời.

+ Phân tích tình hình dự trữ những loại nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

+ Phân tích thường xuyên và định kỳ tình hình sử dụng các loại nguyên vật liệu để có biện pháp sử dụng tiết kiệm vật tư.

Sau đây em xin đưa ra một số phương pháp phân tích có thể áp dụng phù hợp với mô hình của công ty.

❷ Phân tích tình hình cung ứng vật tư theo số lượng.

Yêu cầu đầu tiên đối với việc cung ứng nguyên vật liệu cho sản xuất là phải đảm bảo đủ về số lượng, nghĩa là nếu cung cấp với số lượng quá lớn dư thừa sẽ gây ra ứ đọng và do đó dẫn đến việc sử dụng vốn kém hiệu quả. Nhưng ngược lại

nếu cung cấp không đủ về số lượng sẽ ảnh hưởng đến tính liên tục của quá trình sản xuất kinh doanh.

Phương pháp phân tích: Cần tính tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch cung ứng nguyên vật liệu theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ \% hoàn thành kế hoạch cung ứng về khối lượng nguyên vật liệu loại } (i=1,n) = \frac{\text{Số lượng nguyên vật liệu loại } i \text{ thực tế nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng nguyên vật liệu loại } i \text{ cần mua (theo kế hoạch trong kỳ)}}$$

Sau đây là một ví dụ về việc phân tích tình hình cung ứng nguyên vật liệu theo số lượng của một số nguyên vật liệu sau:

Biểu số 3.11: *Bảng kê số lượng nguyên vật liệu*

BẢNG KÊ SỐ LƯỢNG NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2010

Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng cần cung cấp	Số lượng thực nhập	Tỷ lệ hoàn thành việc cung ứng vật liệu (%)
Gas	Kg	260	260	100
Dầu DP14	Kg	960	960	100
Dầu điêzel	Kg	128	128	100
Ôxy	Chai	200	198	99
Vòng bi	Vòng	10	10	100
Gang thổi	Kg	360	350	97,23

Qua bảng trên ta thấy trong tháng Gas, Dầu DP14, Dầu điêzel, Vòng bi được cung cấp đủ nhu cầu bao nhiêu được cung cấp bấy nhiêu, còn các nguyên vật liệu khác tỷ lệ hoàn thành là 99%, 97,23%. Việc doanh nghiệp cần vật liệu thì có nhu cầu cung cấp kịp thời ngay.

❖ Phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu vào sản xuất sản phẩm

Phân tích tình hình sử dụng khối lượng nguyên vật liệu vào sản xuất sản phẩm

Để phân tích mức độ đảm bảo khối lượng nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm cần tính ra hệ số sau:

$$\text{Hệ số đảm bảo NVL cho sản xuất} = \frac{\text{Lượng NVL dự trữ đầu kỳ} + \text{Lượng NVL nhập trong kỳ}}{\text{Lượng NVL cần dùng trong kỳ}}$$

Ví dụ 15:

Căn cứ vào Thẻ kho số 58 của Thép thời 5SP/PS120x120x12.000 mm

Lượng nguyên vật liệu dự trữ đầu kỳ: 2.600 kg

Lượng nguyên vật liệu nhập trong kỳ: 4.000 kg

Lượng nguyên vật liệu cần dùng trong kỳ: 6.100 kg

Hệ số đảm bảo NVL cho sản xuất $= \frac{2.600 + 4.000}{6.100} \times 100\% = 108.196\%$

➤ Từ hệ số đảm bảo nguyên vật liệu cho sản xuất của Thép thời em thấy Thép thời được cung cấp không những vừa đủ cho sản xuất mà còn dự trữ cho tháng sau.

❖ Lập báo cáo vật tư theo kế hoạch sản xuất:

Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, nhiều biến động xảy ra có thể ảnh hưởng tới kế hoạch sản xuất của công ty và ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Do vậy, nếu công ty không xác định định mức dự trữ nguyên vật liệu thì kết quả sản xuất của công ty có thể bị ngưng trệ làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, nếu công ty dự trữ nguyên vật liệu quá lớn sẽ làm ứ đọng vốn, gây khó khăn trong việc quay vòng vốn của doanh nghiệp và phát sinh các chi phí liên quan. Ngược lại, nếu dự trữ quá ít thì khi nguyên vật liệu trên thị trường khan hiếm hoặc giá cả giảm sẽ làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh của công ty.

Vì vậy, công ty nên xác định mức dự trữ hợp lý để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm và vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm và yêu cầu sản xuất khi có yếu tố bất thường xảy ra thông qua báo cáo vật tư theo kế hoạch sản xuất, kinh doanh và báo cáo nghiên cứu thị trường từ phòng vật tư.

Biểu số 3.12: Báo cáo dự báo vật tư theo kế hoạch sản xuất kinh doanh

Đơn vị:

Bộ phận:

BÁO CÁO DỰ BÁO VẬT TƯ THEO KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tháng ... Năm...

Danh điểm vật tư	Tên, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Nhu cầu			Số tồn kho thực tế	Số cần nhập bổ sung
			Kế hoạch	Đã sử dụng	Số chưa sử dụng		
A	B	C	1	2	3	4	5

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận báo cáo
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

KẾT LUẬN

Để không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động trong quá trình sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp cần phải có những biện pháp tích cực trong việc đẩy mạnh vòng quay của vốn lưu động, sử dụng hợp lý tài sản lưu động nhất là sử dụng hợp lý và tiết kiệm nguyên vật liệu đó chính là cơ sở để thực hiện mục đích nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, tăng tích lũy cho doanh nghiệp. Đây cũng chính là những tiền đề giúp cho doanh nghiệp có khả năng đứng vững trên thị trường hiện nay.

Muốn thực hiện điều đó các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải không ngừng hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp nâng cao chất lượng công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vật liệu nói riêng là một việc làm có ý nghĩa quan trọng nhằm mang lại hiệu quả tốt nhất trong quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặc dù đã cố gắng hết sức trong việc nghiên cứu tài liệu, tình hình thực tế của Công ty khi viết bài, nhưng do thời gian ngắn, về kinh nghiệm và kiến thức còn nhiều hạn chế nên em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Các giải pháp đưa ra là những suy nghĩ cần được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn cô giáo Th.s Phạm Thị Nga cùng tập thể cán bộ công nhân viên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Cơ khí Duyên Hải đã giúp đỡ và tạo điều kiện để em hoàn thành luận văn tốt nghiệp của mình. Em kính mong được sự chỉ bảo, góp ý, giúp đỡ của thầy cô và các bạn để em có cái nhìn sâu sắc và toàn diện hơn đối với vấn đề quản lý nguyên vật liệu của các doanh nghiệp nhà nước.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 25 tháng 6 năm 2010

Sinh viên

Nguyễn Thu Hoàn